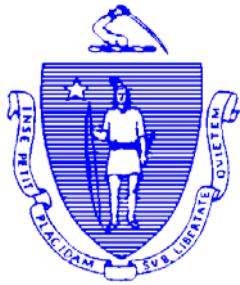


**Khối Thịnh Vượng Chung Của Tiểu Bang Massachusetts
Văn Phòng Điều Hành Các Dịch Vụ Y Tế và Những Dịch Vụ Xã Hội
Bộ Sức Khỏe Tâm Thần (DMH)**

CẨM NANG THÔNG TIN VỀ DƯỢC PHẨM



**Elizabeth Childs, M.D.
Bộ Trưởng Bộ Sức Khỏe Tâm Thần
Tháng Tư năm 2004**

Khối Thịnh Vượng Chung Của Tiểu Bang Massachusetts
Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

LỜI MỞ ĐẦU

Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần (DMH) là sự chỉ dẫn về các loại thuốc thường được kê toa nhiều nhất. Cẩm nang này nhằm giúp những người chăm sóc bệnh nhân và người dùng thuốc hiểu thêm về tính chất, mục đích và các phản ứng phụ có thể xảy ra của mỗi loại thuốc. Tài liệu này cũng giúp các chuyên viên y tế cấp toa thuốc trong quá trình thu thập sự thỏa thuận có hiểu biết.

Cẩm nang này không nhằm thay thế một cuộc thảo luận thẳng thắn và chi tiết giữa chuyên viên y tế cấp toa thuốc và người dùng thuốc (và người giám hộ, nếu có) về loại thuốc được đề nghị. Những tài liệu này không toàn diện và không có nhầm bao gồm tất cả mọi vấn đề liên hệ đến loại thuốc đã kê toa. Nếu người dùng thuốc có thắc mắc hoặc lo ngại về một loại thuốc mà đương sự đang dùng, điều tốt nhất là liên lạc với nhân viên y tế đã cấp toa thuốc để thảo luận về vấn đề cụ thể đó. Đặc biệt, lý do vì có nhiều người khám bệnh với nhiều bác sĩ (ví dụ, ngoài một bác sĩ điều trị chính còn có một bác sĩ tâm lý), thì rất là quan trọng cho người dùng thuốc cần phải chắc chắn rằng nhân viên y tế cấp toa thuốc cần phải hiểu tất cả các loại thuốc đã được kê toa để có thể lường trước các phản ứng qua lại giữa các loại thuốc. Các tài liệu bổ túc về dược phẩm có thể được tìm thấy ở những các nơi sau:

Các loại thuốc có tác động đến tâm thần cho trẻ em và thiếu niên tại www.state.ma.us/dmh/publications/PsychoactiveBooklet.pdf; thông tin về các loại thuốc thường dùng ở tại www.nlm.nih.gov/medlineplus/druginformation.html.

Dược phẩm luôn luôn chỉ là một nhân tố của một chương trình sức khỏe toàn diện. Tập thể dục, sự dinh dưỡng, sự chăm sóc y tế thường xuyên, và các cuộc tham khảo đúng đắn là các phần quan trọng khác của một chương trình toàn diện để giữ gìn sức khỏe. Người dùng thuốc cần phải hợp tác với bác sĩ của mình để đáp ứng tất cả các vấn đề này.

Cuốn sách này thuộc lãnh vực công cộng và có thể được sao y theo bản in hiện hành. Cả hai loại tên thuốc, tên căn bản (generic) và tên thương mại (brand names) đều được dùng, ví dụ, “sertraline” (còn được gọi là Zoloft®). Không được thêm các thay đổi khác vào sách ngoại trừ những thay đổi do Phân Ban về Các Dịch Vụ Chuyên Nghành Và Lâm Sàng của Bộ Sức Khoẻ Tâm Thần thảo ra. Cẩm nang này sẽ được cập nhật theo các tiến triển của dược phẩm và thực hành. Các thay đổi giữa các ấn bản của sách sẽ được thêm vào theo **Phần VII: Thay Đổi Và Dược Phẩm Được Thêm Sau Ngày Phát Hành**. Đề nghị về các thay đổi khác có thể gửi về văn phòng của tôi.

Robert J. Keane, Ph. D.

Phó Ủy Viên Đặc Trách của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần,
Dịch Vụ Chuyên Nghành và Lâm Sàng

Tháng Tư 2004

Biên Tập Viên về Y Khoa:

David Hoffman, M.D.

Giám Đốc Y Tế Khu Vực Đô Thị Boston của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

Gordon Harper, M.D.

Dịch Vụ Thiếu Niên và Trẻ Em của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

Giám Đốc Y Tế

Rabiah Dys, R. Ph., Pharm. D

Giám Đốc Dịch Vụ Lâm Sàng và Thị Trường Dược Phẩm của

McKesson Medication Management

Khối Thịnh Vượng Chung Của Tiểu Bang Massachusetts
Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

LỜI TUYÊN BỐ SỰ KHƯỚC TỪ MỌI TRÁCH NHIỆM

Những thông tin, ý kiến và đề nghị trình bày trong Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần (DMH) được trình bày dưới dạng ngắn tắt và nhằm cung cấp cho người đọc một sự hiểu biết và kiến thức khái quát về một số dược phẩm nhất định. Người sử dụng Cẩm Nang cần phải tự mình kiểm chứng và cập nhật những thông tin, ý kiến và đề nghị. KHÔNG ĐƯỢC XEM HOẶC XỬ DỤNG NỘI DUNG CỦA CẨM NANG NHƯ LÀ MỘT SỰ THAY THẾ CHO CÁC LỜI KHUYÊN, CHẨN BỆNH HOẶC ĐIỀU TRỊ CỦA Y SĨ. Bộ Sức Khỏe Tâm Thần không chứng thực, chấp nhận, đề nghị hoặc xác nhận bất cứ thông tin, dược phẩm, phương pháp điều trị, hoặc công ty được trình bày hoặc nêu ra trong sách. Cẩm nang này không nhằm mục đích thay thế, và cũng không thay thế sự huấn luyện và phán xét có tính cách chuyên nghiệp của chuyên viên có giấy phép về sức khỏe tâm thần và y tế. Mỗi cá nhân cần phải xin ý kiến của bác sĩ hoặc những người cung cấp chăm sóc y tế khác về những vấn đề liên quan tới thuốc men, sức khỏe cá nhân hoặc tình trạng bệnh tật của mình.

Những thông tin, ý kiến và đề nghị được cung cấp trong sách này là được cung cấp theo nguyên bản (“as is”) và không được bảo đảm dưới bất cứ dạng nào (hoặc hình thức nào), diễn đạt bằng lời hoặc ám chỉ. DMH không bảo đảm, đại diện, hoặc bảo đảm cho tính xác thực, tính chính xác, hợp thời, sự hữu dụng hoặc tính chất đầy đủ của cẩm nang này. Do đó DMH tuyên bố khước từ bất cứ và mọi trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm cho bất cứ mọi thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, ngẫu nhiên, đặc biệt, do hậu quả của, hoặc các thiệt hại khác gây ra do sự tiếp cận, sử dụng, hoặc không thể sử dụng được cuốn cẩm nang này. Mọi sự tiếp cận với sách này đều được xem là tự nguyện và là sự mạo hiểm riêng tư và duy nhất của chính người sử dụng.

Cẩm Nang Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

MUC LỤC

| | |
|--|--------------------|
| Lời Mở Đầu | |
| Lời Tuyên Bố Sự Khuất Tự Mọi Trách Nhiệm | |
| I. Các Loại Thuốc An Thần / Thuốc Ngủ..... | 9 |
| <u>Benzodiazepines:</u> | |
| Alprazolam | Xanax®..... 10 |
| Chlordiazepoxide | Librium®..... 10 |
| Clonazepam | Klonopin®..... 10 |
| Clorazepate Dipotassium | Tranxene®..... 10 |
| Diazepam | Valium®..... 10 |
| Lorazepam | Ativan®..... 10 |
| <u>Các Loại Khác:</u> | |
| Buspirone | Buspar®..... 13 |
| Zaleplon | Sonata®..... 15 |
| Zolpidem | Ambien®..... 15 |
| II. Các Thuốc Trị Bệnh Trầm Cảm..... | 17 |
| <u>Monoamine Oxidase Inhibitors-MAOIs:</u> | |
| Phenelzine | Nardil®..... 18 |
| Tranylcypromine | Parnate®..... 18 |
| <u>Thuốc Ức Chế Có Chọn Sứ Tái Thu Nhân Chất Serotonin (Serotonin Re-Uptake Inhibitors) (SSRIs):</u> | |
| Citalopram | Celexa®..... 21 |
| Escitalopram | Lexapro®..... 21 |
| Fluoxetine | Prozac®..... 21 |
| Fluvoxamine | Luvox®..... 21 |
| Paroxetine | Paxil®..... 21 |
| Sertraline | Zoloft®..... 21 |
| <u>Thuốc trị bệnh trầm cảm 3 vòng (TriCyclic Antidepressants (TCAs)):</u> | |
| Amitriptyline | Elavil®..... 24 |
| Amoxapine | Ascendin®..... 24 |
| Clomipramine | Anafranil®..... 24 |
| Desipramine | Norpramin®..... 24 |
| Doxepin | Sinequan®..... 24 |
| Imipramine | Tofranil®..... 24 |
| Nortriptyline | Pamelor®..... 24 |

Tài Liệu Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

Mục lục (tiếp theo)

| | | |
|---------------|-----------------|----|
| Protriptyline | Vivactil®..... | 24 |
| Trimipramine | Surmontil®..... | 24 |

Các loại khác:

| | | |
|-------------|------------------|----|
| Bupropion | Wellbutrin®..... | 27 |
| Mirtazapine | Remeron®..... | 30 |
| Nefazodone | Serzone®..... | 33 |
| Trazodone | Desyrel®..... | 36 |
| Venlafaxine | Effexor®..... | 39 |

| | |
|--|-----------|
| III. Thuốc Trị Bệnh Loạn Tinh Thần..... | 42 |
|--|-----------|

Thuốc trị bệnh loạn tinh thần (Nhân tố cũ):

| | | |
|-----------------|--------------------------|----|
| Chlorpromazine | Thorazine®..... | 43 |
| Fluphenazine | Prolixin®..... | 43 |
| | Prolixin Decanoate®..... | 43 |
| Haloperidol | Haldol®..... | 43 |
| | Haldol Decanoate®..... | 43 |
| Loxapine | Loxitane®..... | 43 |
| Molindone | Moban®..... | 43 |
| Perphenazine | Trilafon®..... | 43 |
| Thiothixene | Navane®..... | 43 |
| Trifluoperazine | Stelazine®..... | 43 |
| Mesoridazine | Serentil®..... | 47 |
| Thioridazine | Mellaril®..... | 47 |

Thuốc trị bệnh loạn tinh thần (Nhân tố mới):

| | | |
|-----------------------|-------------------------|----|
| Aripiprazole | Abilify®..... | 50 |
| Clozapine | Clozaril®..... | 53 |
| Olanzapine | Zyprexa®..... | 57 |
| Olanzapine Injection | Zyprexa Injection®..... | 57 |
| Quetiapine | Seroquel®..... | 61 |
| Risperidone | Risperdal®..... | 64 |
| Risperidone Injection | Risperdal Consta®..... | 64 |
| Ziprasidone | Geodon®..... | 67 |

Tài Liệu Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần

Mục lục (tiếp theo)

IV. Thuốc Ổn Định Trạng Thái Tâm Thần.....70

| | | |
|--|-----------------------------|----|
| Carbamazepine | Carbatrol®, Tegretol®..... | 71 |
| Gabapentin | Neurontin®..... | 74 |
| Lamotrigine | Lamictal®..... | 76 |
| Lithium | Eskalith®, Lithobid®..... | 78 |
| Olanzapine/fluoxetine | Lithonate®, Lithotabs®..... | 78 |
| Oxcarbazepine | Symbyax®..... | 81 |
| Topiramate | Trileptal®..... | 84 |
| Valproate, Valproic Acid, Divalproex Sodium Depakote®, Depakene® | Topamax®..... | 86 |
| Verapamil | Calan®..... | 91 |

V. Thuốc Kích Thích: CÁC THUỐC KÍCH THÍCH / CÁC RỐI LOẠN VỀ SỰ THIẾU CHÚ Ý / HOẠT ĐỘNG QUÁ MỨC (ADHD).....93

Kích thích tâm thần:

| | | |
|-----------------------------|----------------------------|----|
| Dextroamphetamine | Dexedrine®, Adderall®..... | 94 |
| Methylphenidate derivatives | Concerta®, Metadate®..... | 94 |
| | Ritalin® | |

| | | |
|-----------------------------------|--------------|----|
| Pemoline | Cylert®..... | 94 |
| Pemoline/Cylert Consent Form..... | | 97 |

Các loại khác:

| | | |
|-------------|-----------------|----|
| Atomoxetine | Strattera®..... | 99 |
|-------------|-----------------|----|

VI. Các loại thuốc làm thay đổi trạng thái tâm thần hoặc thuốc phụ khác.....101

| | | |
|------------|-----------------|-----|
| Amantadine | Symmetrel®..... | 102 |
|------------|-----------------|-----|

Anticholinergics:

| | | |
|-----------------|----------------|-----|
| Benztropine | Cogentin®..... | 104 |
| Trihexyphenidyl | Artane®..... | 104 |

Beta-Blockers:

| | | |
|-------------|-----------------|-----|
| Atenolol | Tenormin®..... | 106 |
| Metoprolol | Lopressor®..... | 106 |
| Nadolol | Corgard®..... | 106 |
| Propranolol | Inderal®..... | 106 |

Tài Liệu Về Dược Phẩm Của Bộ Sức Khỏe Tâm Thần
Mục lục (tiếp theo)

| | |
|--|-------------------------------|
| Các loại khác: | |
| Clonidine | Catapres®..... 109 |
| Diphenhydramine | Benadryl®..... 111 |
| Disulfiram | Antabuse®..... 114 |
| Naltrexone | Trexan®..... 117 |
| Thyroid Medications | Levoxyl®, Synthroid®..... 119 |
| VII. Những Thay Đổi và/hoặc Dược Phẩm Được Thêm Sau Ngày Ăn Hành..... | 121 |
| VIII. Bảng Chú Giải Thuật Ngữ và Mục Lục..... | 123 |
| Bảng Chú Giải Thuật Ngữ..... | 124 |
| Mục Lục về Các Tên Thuốc Thương Mại..... | 126 |
| Mục Lục về Các Tên Thuốc Căn Bản | 127 |

I. CÁC LOẠI THUỐC AN THẦN / THUỐC NGỦ

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Benzodiazepines

alprazolam (còn được gọi là Xanax),
chlordiazepoxide (còn được gọi là Librium),
clonazepam (còn được gọi là Klonopin),
clorazepate dipotassium (còn được gọi là Tranxene),
diazepam (còn được gọi là Valium),
lorazepam (còn được gọi là Ativan).

Dược phẩm đặc trưng: _____

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số các loại thuốc được gọi là thuốc an thần. Các thuốc này được dùng để trị các triệu chứng thường xảy ra với trạng thái bất an, như lo lắng quá độ, tinh thần căng thẳng/mệt mỏi (stress), sự căng thẳng, và sự hồi hộp. Những thuốc này cũng được dùng để chữa chứng mất ngủ, và các phản ứng phụ từ những dược phẩm khác như thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotics). Các thuốc này còn có những công dụng khác trong y học mà có thể bao gồm sự kiềm chế các triệu chứng của sự cai rượu (alcohol withdrawal), làm giãn cơ bắp bị co rút, hoặc chặn đứng hay ngăn ngừa các cơn động kinh.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này. Lạm dụng hoặc nguy cơ trở nên ghiền thuốc là có thể xảy ra. Nếu quý vị đã có quá trình lạm dụng hoặc nghiện ma túy xin hãy thông báo cho bác sĩ của mình.

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), chóng mặt, phản ứng chậm chạp.

Ít thông thường hơn:

Có vấn đề về trí nhớ, nói vấp, tập trung kém, phối hợp kém, cơ bắp yếu, nóng giận hơn bình thường hoặc dễ nóng giận.

Thuốc này được xem là dễ trở thành thói quen. Phần lớn người sử dụng sẽ bị phản ứng phụ của sự cai thuốc (withdrawal side effects) nếu họ ngừng dùng một cách đột ngột. Phản ứng phụ của sự cai thuốc có thể gồm có tình trạng bất an

Benzodiazepines (tiếp theo)

ngày càng tệ hơn, nôn mửa, mất ngủ, run rẩy (tremor^{*}), áp huyết thấp, hoặc lên cơn động kinh (seizure^{*}).

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, cho nên rất quan trọng là quý vị thông báo cho bác sĩ biết nếu quý vị đang có thai hoặc tin rằng mình đang có thai. Trong lúc dùng thuốc này, quý vị cần phải tránh cho con bú sữa mẹ vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa.

Các nguy cơ khác:

Một vài phản ứng phụ, trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm các công việc mà quý vị cần phải được tinh táo sẽ trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề như đã được nêu ra trên đây. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm [Food and Drug Administration (FDA)] đã chấp thuận việc dùng một vài loại benzodiazepines cho người trẻ tuổi. Số tuổi được chấp thuận thay đổi theo từng loại thuốc. *Chlordiazepoxide* từ 6 tuổi trở lên, (thuốc tiêm cho 12 tuổi), *clorazepate* dùng để kiềm chế lên cơn động kinh, từ 9 tuổi trở lên *diazepam* được dùng cho các chứng phi tâm thần học, từ 6 tháng trở lên (không có sự đề nghị về tâm thần học nhất định nào), *lorazepam* từ 12 tuổi trở lên (thuốc tiêm cho 18 tuổi), và alprazolam từ 18 tuổi trở lên.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Benzodiazepines (tiếp theo)

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Tremors: Run rẩy

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Buspirone (còn được gọi là Buspar)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này được dùng để trị các triệu chứng thường xảy ra với trạng thái bất an, như là lo lắng quá độ, tinh thần căng thẳng/mệt mỏi (stress), sự căng thẳng, và sự hồi hộp. Thuốc này đôi khi còn được dùng để chữa tính ưa gây hấn, hoặc các bệnh tâm thần khác mà bác sĩ của quý vị có thể giải thích cho quý vị.

Thuốc này có tác động chậm. Quý vị có thể nhận thấy sự công hiệu của nó sau nhiều tuần, nhưng hiệu quả toàn diện có thể đòi hỏi một thời gian lâu hơn.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, buồn ngủ (drowsiness^{*}), nôn mửa, và đau đầu.

Ít thông thường hơn:

Khó ngủ, đau bao tử, tiêu chảy, mệt mỏi, tình trạng kích động, tình trạng yếu ớt, cảm giác tê, nhìn không rõ, cảm giác muối ngắt xỉu, khô miệng.

Hiếm xảy ra: Dị ứng

Một hoặc vài tập hợp của các triệu chứng sau, ngứa ngáy hoặc phát ban, sưng trên mặt hoặc trên tay, sưng hay ngứa trong miệng hay cổ họng, nặng ngực và/hay khó thở.

Cần phải đi bệnh viện hoặc gặp bác sĩ nếu thấy bất cứ những dấu hiệu hoặc triệu chứng này.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi tránh mang thai là rất quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Quý vị cần phải bàn trước với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này.

Buspirone (còn được gọi là Buspar) (tiếp theo)

Các nguy cơ khác:

Một vài phản ứng phụ khác, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm các công việc mà quý vị cần phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận việc dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Zaleplon (còn được gọi là Sonata)

Zolpidem (còn được gọi là Ambien)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này được dùng để giúp người khó ngủ. Thuốc được dùng để chữa trong một thời gian ngắn (tới 10 ngày) các chứng khó ngủ là thông thường nhất. Thỉnh thoảng việc dùng thuốc này trong một thời gian lâu hơn có thể là điều cần thiết.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này. Nếu quý vị đã có quá trình lạm dụng hoặc nghiện ma túy xin hãy thông báo cho bác sĩ của mình.

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), chóng mặt, tiêu chảy, cảm giác muối ngất xỉu, cơ thể phối hợp khó khăn.

Ít thông thường hơn:

Giảm trí nhớ, tình trạng lúng túng, có những giấc mơ bất thường, có suy nghĩ hay cảm nghĩ bất thường, hay thay đổi trong cách ứng xử.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi cho nên tránh mang thai là điều rất quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những phương pháp quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Cần phải tránh cho con bú sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị và tác động của nó trên thai nhi còn chưa được biết.

Các nguy cơ khác:

Thuốc này nhằm giúp quý vị ngủ. Thông thường Zolpidem có tác động nhanh, nên quý vị chỉ nên uống thuốc lúc chuẩn bị đi ngủ. Sự ảnh hưởng của thuốc thường tan biến đi trước sáng hôm sau, nhưng một vài người có thể vẫn còn thấy buồn ngủ suốt ngày hôm đó. Điều này tất nhiên khiến việc lái xe hoặc làm các công việc mà quý vị cần phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc

Zolpidem (còn được gọi là Ambien) và Zaleplon (còn được gọi là Sonata) (tiếp theo)

rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận việc dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

II. CÁC THUỐC TRỊ BỆNH TRẦM CẨM

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

MAOI [Thuốc ức chế (inhibitor) Monoamine oxidase] Thuốc trị trầm cảm phenelzine (còn được gọi là Nardil) tranylcypromine (còn được gọi là Parnate)

Dược phẩm đặc trưng:

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị bệnh trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân.

Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự trở lại của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi. Thuốc này cũng có thể được dùng để làm giảm sự lo âu, sự hoảng sợ bất thắn hoặc sự sợ hãi khác thường không lý do (phobias).

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần hoặc hơn.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này

Tương đối thông thường:

Trạng thái trầm lặng (sedation), buồn ngủ (drowsiness^{*}), chóng mặt hay trạng thái mất tối sầm quay cuồng (nhất là lúc đứng lên đột ngột từ tư thế ngồi hay nằm), áp huyết thấp, táo bón, khô miệng, mất mồ, tăng cân, khó chịu trong dạ dày, khó tiểu, tim đập không đều hay nhanh bất thường, thay đổi trong cảm giác thích thú và khả năng làm tình như khó đạt tới cực khoái.

Ít thông thường hơn:

Lúng túng, động kinh (seizures^{*}), đổ mồ hôi, có trở ngại về gan, các phản ứng cao huyết áp (giải nghĩa dưới đây), đau ngực, nhức đầu, phát ban, làm bệnh tăng nhãn áp

MAOI [Thuốc ức chế (inhibitor) Monoamine oxidase] Thuốc trị bệnh trầm cảm (tiếp theo)

trở nên tệ hơn (glaucoma^{*}) (nếu xảy ra quý vị sẽ thấy đau mắt trầm trọng, và quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi cho nên tránh mang thai là rất quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Cần phải tránh cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như cảm giác choáng váng (lightheadedness) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm các công việc mà quý vị cần phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tuyệt đối tránh dùng ma túy với thuốc này. **Xử dụng rượu dưới một vài hình thức nhất định trong lúc uống thuốc này có thể gây ra các phản ứng nghiêm trọng mà có thể gây ra bệnh cao huyết áp ở độ rất nguy hiểm. Điều này cũng đúng với một số thức ăn và thuốc nhất định, nhất là các loại thuốc trị bệnh trầm cảm (suy nhược tâm thần) như Fluoxetine (Prozac).** Bác sĩ của quý vị có thể cung cấp cho quý vị danh sách của các loại thức ăn và dược phẩm cần phải tránh để phòng ngừa phản ứng này. Quý vị sẽ cần kiểm tra lại với bác sĩ trước khi uống bất cứ các loại thuốc khác bất kể là thuốc được kê toa hay được mua không cần toa. Quý vị cũng cần phải tiếp tục tránh các loại thức ăn và thuốc có thể gây khó khăn trong vòng hai tuần sau khi đã ngừng uống thuốc này nhằm tránh phản ứng này. Các dấu hiệu mà phản ứng phụ này đang xảy ra bao gồm: đau đầu trầm trọng, cổ cứng nhắc, đỏ da, nôn mửa, lúng túng không phân biệt được, và ngất xỉu. **Quý vị phải gặp bác sĩ hoặc đến bệnh viện ngay nếu các dấu hiệu này xảy ra.** Nếu phản ứng nêu ở trên xảy ra, quý vị phải ngưng dùng thuốc cho đến khi có lời khuyên của bác sĩ.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

MAOI [Thuốc ức chế (inhibitor) Monoamine oxidase] Thuốc trị trầm cảm (tiếp theo)

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận việc dùng thuốc Phenelzine cho người từ 16 tuổi trở lên. *Tranylcypromine* chỉ được chấp thuận dùng cho người lớn.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Các loại thức ăn cần kiêng cữ trong lúc dùng một loại MAOIs:

Thức ăn được ngâm hoặc nung khói bao gồm cá, salami, pepperoni, phó mát (cheese) để lâu ngày (không phải cottage hoặc cream cheese), gia ua (yogurt), beer và rượu, đậu fava, quá nhiều chất cà phê hoặc sô-cô-la (chocolate).

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là làm thay đổi áp suất của mắt.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các Loại Thuốc Trị Suy Nhược Tâm Thần SSRI [Thuốc Ức Chế Có Chọn Lọc Sự Tái Thu Nhận Chất Serotonin (Selective Serotonin Re-uptake Inhibitors)]

citalopram (còn được gọi là Celexa)

escitalopram (còn được gọi là Lexapro)

fluoxetine (còn được gọi là Prozac)

fluvoxamine (còn được gọi là Luvox).

paroxetine (còn được gọi là Paxil)

sertraline (còn được gọi là Zoloft)

Dược phẩm đặc trưng: _____

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhiều nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân. Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Thuốc này cũng có thể được dùng để trị một vài hình thức của sự lo âu như chứng rối loạn ám ảnh vớ vẩn liên tục (obsessive-compulsive disorder), sự hoảng sợ bất thắn hoặc sự sợ hãi khác thường không lý do (phobias).

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần hoặc hơn.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Khó ngủ, lo âu, hồi hộp hoặc bức rức, nôn mửa, ăn mất ngon hay sụt cân, lên cân một cách đáng kể, giảm kích thích tình dục hoặc giảm khả năng đạt đến cực khoái hay xuất tinh, đau đầu, tiêu chảy, buồn ngủ (drowsiness^{*}), có những giấc mơ bất thường.

SSRI (Thuốc Ức Chế Có Chọn Lọc Sự Tái Thu Nhận Chất Serotonin) Thuốc Trị Suy Nhược Tâm Thân (tiếp theo)

Ít thông thường hơn:

Mệt mỏi, chóng mặt, táo bón, giảm khả năng tập trung, tim đập không đều hay nhanh bất thường, khô miệng, nghẹt mũi, nôn mửa, run rẩy (tremors^{*}) co giật của bắp thịt, đổ mồ hôi, động kinh (seizures^{*}).

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết.

Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng khiến việc lái xe hoặc điều khiển máy móc trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngừng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc được sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho trẻ em. *Sertraline* được chấp thuận cho dùng với bệnh nhân từ 6-17 tuổi để điều trị bệnh rối loạn ám ảnh vô cơ liên tục (obsessive-compulsive disorder). Fluoxetine đã được chấp thuận cho bệnh nhân trên 7 tuổi trong việc điều trị chứng tâm thần như là triệu chứng buồn bã (depression).

Đối với paroxetine, citalopram, escitalopram, fluoxetine, fluvoxamine và sertraline, một vài báo cáo đề nghị rằng khuynh hướng muốn tự tử là có gia tăng trong trẻ em và thiếu niên. Cơ quan FDA khuyên rằng bệnh nhân dùng các thuốc này phải được giám sát chặt chẽ bởi bác sĩ của họ, nhất là lúc bắt đầu điều trị, và mỗi lúc tăng liều lượng. Cơ quan FDA cũng nhấn mạnh rằng không được gián đoạn hoặc chấm dứt sự điều trị mà không bàn với bác sĩ.

SSRI (Thuốc Úc Chế Có Chọn Lọc Sự Tái Thu Nhận Chất Serotonin) Thuốc Trị Suy Nhược Tâm Thân (tiếp theo)

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Tremors: Run rẩy

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các Loại Thuốc Trị Trầm cảm 3 vòng (trycyclic)

amitriptyline (còn được gọi là Elavil)

amoxapine (Còn được biết gọi là Ascendin)

clomipramine (Còn được biết gọi là Anafranil)

desipramine (còn được gọi là Norpramin)

doxepin (còn được gọi là Sinequan)

imipramine (còn được gọi là Tofranil)

nortriptyline (còn được gọi là Pamelor)

protriptyline (còn được gọi là Vivactil)

trimipramine (còn được gọi là Surmontil).

Dược phẩm đặc trưng: _____

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị bệnh trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhiều nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân. Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị bệnh trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần hoặc hơn.

Thuốc này cũng có thể được dùng để làm giảm sự lo âu, sự hoảng sợ bất thắn, hoặc những sợ hãi vô cớ (phobias), hoặc những sự ám ảnh.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

TriCyclic Thuốc Trị Suy Nhược Tâm Thần (tiếp theo)

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), chóng mặt hay mất tối sầm lại (nhất là khi đứng lên đột ngột từ tư thế nằm hoặc ngồi), áp huyết thấp, táo bón, khô miệng, mệt mờ, lèn cắn, khó chịu trong bao tử.

Ít thông thường hơn:

Lóng túng không phân biệt được, đi tiểu khó, tim đập không đều hay nhanh bất thường, giảm sự ham muốn hoặc khả năng tình dục.

Hiếm:

Động kinh (seizures^{*}), có vấn đề về gan, bệnh tăng nhãn áp trở nên tệ hơn (glaucoma^{*}) (nếu xảy ra quý vị sẽ thấy đau mắt trầm trọng, và quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết.

Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc khác mà quý vị cần phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho người dưới 18 tuổi, mặc dù một vài loại thuốc này đã được dùng cho trẻ em. *Amitriptyline, desipramine, imipramine, và nortriptyline* đã từng được dùng cho trẻ em trên 6 tuổi để trị chứng trầm cảm trầm trọng. *Desipramine, imipramine, và*

TriCyclic Thuốc Trị Suy Nhược Tâm Thần (tiếp theo)

protriptyline đã từng được dùng để điều trị chứng rối loạn về sự thiếu chú ý và hoạt động quá mức [attention deficit/hyperactivity disorder (ADHD)] cho một số trẻ em từ 6 tuổi trở lên. *Clomipramine* được dùng điều trị chứng rối loạn về những nỗi ám ảnh liên tục cho trẻ em từ 10 tuổi trở lên. Trong nhóm tuổi này, rất hiếm có những trường hợp chết bất ngờ mà có vẻ có liên quan đến các loại thuốc này. Người kê toa có thể xin kiểm tra chức năng tim của quý vị (EKG) trước khi cho uống thuốc này và dùng thuốc theo một lịch trình sau đó.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bọng đái, và tình trạng tinh thần lộn xộn hỗn loạn.

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là thay đổi áp suất của mắt.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Bupropion (còn được gọi là Wellbutrin)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân.

Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi. Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị bệnh trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần (4-6 tuần) trở lên.

Thuốc này đôi khi cũng được dùng để giúp người ta bỏ hút thuốc. Xin vui lòng báo với nhóm săn sóc sức khỏe của quý vị nếu quý vị đang nhận thuốc Zyban (bupropion), là loại có cùng thành phần tác động như Wellbutrin.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Khô miệng, khó ngủ, bức rứt, hồi hộp, xuống cân, giảm sự ăn thấy ngon miệng, buồn mửa, chóng mặt.

Ít thông thường hơn:

Lóng túng không phân biệt được, bắp thịt co giật, dễ bị khích động, khó chịu trong dạ dày, phát ban, ảo giác, lén kinh phong (seizures^{*}). Nguy cơ lén kinh phong tuy rất thấp, nhưng vẫn là tương đối cao so với các loại thuốc trị bệnh trầm cảm khác. Nguy cơ này tăng theo liều lượng của thuốc, nhưng thuốc vẫn được xem là an toàn cho tới liều lượng 450mg một ngày(400 mg cho Wellbutrin SR). Nếu quý vị đang dùng loại viên thường (Wellbutrin), mỗi lần riêng biệt mà quý vị uống thuốc, số lượng thuốc phải có sự chỉ dẫn, nhưng không quá 150 mg. Mỗi liều thuốc uống cách nhau ít nhất 6 giờ là quan trọng, và không được uống hai liều một lần để tránh nguy cơ bị lén kinh phong. Nếu quý vị đang dùng loại có chất thuốc được kéo dài (Wellbutrin SR), mỗi lần riêng

Bupropion (còn được gọi là Wellbutrin) (tiếp theo)

biệt mà quý vị uống thuốc, số lượng thuốc phải có sự chỉ dẫn, nhưng không quá 200 mg. Quý vị phải uống mỗi liều cách nhau càng gần 12 tiếng đồng hồ càng tốt.

Nếu quý vị có bệnh hay lén kinh phong hoặc rối loạn về sự ăn uống, nguy cơ lén kinh phong của quý vị có thể tăng lên nhiều hơn và đây không phải là sự lựa chọn tốt cho quý vị. Nếu điều này xảy ra cho quý vị, xin vui lòng báo cho nhóm chăm sóc sức khỏe của quý vị.

Đi ứng:

Một hoặc vài tập hợp của những triệu chứng sau, ngứa ngáy, hay phát ban, sưng trên mặt hay trên tay, sưng hay ngứa ngáy trong miệng hoặc cổ họng, nặng ngực và/hay khó thở. Nếu thấy bất cứ các dấu hiệu hay triệu chứng này, quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự lựa chọn của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc khác mà quý vị cần phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn. Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Một vài báo cáo đề nghị rằng dùng thuốc này cho thiếu niên và trẻ em làm tăng cách ứng xử có tính tự sát của họ. Cơ quan FDA khuyên rằng những bệnh nhân dùng thuốc này cần phải được giám sát chặt chẽ bởi bác sĩ của họ, nhất là lúc mới bắt đầu được điều trị và mỗi lần tăng liều lượng thuốc. Cơ quan FDA cũng nhấn mạnh rằng không

Bupropion (còn được gọi là Wellbutrin) (tiếp theo)

được gián đoạn hoặc chấm dứt những trường hợp đang được điều trị mà không bàn trước với bác sĩ.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Mirtazapine (còn được gọi là Remeron)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân.

Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần hoặc hơn.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Trạng thái trầm lặng, buồn ngủ (drowsiness^{*}), thèm ăn hơn và lên cân, chóng mặt hay mất tối sầm lại (nhất là khi đứng lên đột ngột từ tư thế nằm hoặc ngồi), khô miệng, mờ mắt, khó chịu trong dạ dày.

Ít thông thường hơn:

Lúng túng không phân biệt được, tim đập không đều hay nhanh một cách bất thường, thay đổi trong sự thích thú hoặc khả năng tình dục, có vấn đề về gan, đau đầu, huyết áp thấp.

Hiếm:

Lượng bạch huyết cầu thấp, lên kinh phong (seizures^{*}).

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ của quý vị có thể cho quý vị những sự lựa chọn mà quý vị có. Nếu quý vị muốn có thai

Mirtazapine (còn được gọi là Remeron) (tiếp theo)

hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên tránh cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này cho đến khi có thêm thông tin về hiệu ứng của nó.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc khác mà quý vị cần phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho trẻ em.

Một vài báo cáo đề nghị rằng dùng thuốc này cho thiếu niên và trẻ em làm tăng cách ứng xử có tính tự sát của họ. Cơ quan FDA khuyên rằng những bệnh nhân dùng thuốc này cần phải được giám sát chặt chẽ bởi bác sĩ của họ, nhất là lúc mới bắt đầu được điều trị và mỗi lần tăng liều lượng thuốc. Cơ quan FDA cũng nhấn mạnh rằng không được gián đoạn hoặc chấm dứt những trường hợp đang được điều trị mà không bàn với bác sĩ.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Mirtazapine (còn được gọi là Remeron) (tiếp theo)

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Nefazodone (còn được gọi là Serzone)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân.

Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị bệnh trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần trở lên.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

****Tuy hiếm, nhưng nhiều trường hợp hư hại về gan có ảnh hưởng đến tính mạng của bệnh nhân được điều trị bằng Serzone (*nefazodone*) đã được báo cáo. Xin vui lòng báo ngay cho nhóm săn sóc y tế của quý vị nếu quý vị thấy yếu người, nước tiểu sẫm màu, hoặc vàng da.**

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness *), nôn mửa, táo bón, khô miệng.

Ít thông thường hơn:

Lúng túng không phân biệt được, dễ kích thích, mờ mắt, có những giấc mơ bất thường, xuồng cân, giảm khả năng tập trung, tim đập chậm hoặc không đều, nôn mửa, run rẩy (tremor *), chóng mặt hay mất tối sầm lại (nhất là khi đứng lên đột ngột từ tư thế nằm hoặc ngồi), huyết áp thấp, xuất mồ hôi, đau đầu, tiêu chảy, khó ngủ, hay hồi hộp.

Đi ứng:

Một hoặc vài tập hợp của những triệu chứng sau, ngứa ngáy hay phát ban, sưng trên mặt hay trên tay, sưng hay ngứa ngáy trong miệng hoặc cổ họng, nặng ngực và/hay

Nefazodone (còn được gọi là Serzone) (tiếp theo)

khó thở. Nếu thấy bất cứ các dấu hiệu hay triệu chứng này, quý vị cần phải có sự săn sóc về y tế.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn.

Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc khác mà quý vị cần phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Một vài báo cáo đề nghị rằng, dùng thuốc này cho thiếu niên và trẻ em làm tăng cách ứng xử có tính tự sát của họ. Cơ quan FDA khuyên rằng những bệnh nhân dùng thuốc này cần phải được giám sát chặt chẽ bởi bác sĩ của họ, nhất là lúc mới bắt đầu được điều trị và mỗi lần tăng liều lượng thuốc. Cơ quan FDA cũng nhấn mạnh rằng không được gián đoạn hoặc chấm dứt những trường hợp đang được điều trị mà không bàn trước với bác sĩ.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Nefazodone (còn được gọi là Serzone) (tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Tremors: Run rẩy

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Trazodone (còn được gọi là Desyrel)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân.

Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị bệnh trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần trở lên.

Thuốc này cũng thường được dùng để giúp người khó ngủ.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}).

Ít thông thường hơn:

Mệt mỏi, yếu sức, lúng túng không phân biệt được, dễ kích thích, táo bón, khô miệng, mờ mắt, có những giấc mơ bất thường, xuống cân, giảm khả năng tập trung, tim đập nhanh, chậm hoặc không đều, nghẹt mũi, nôn mửa, run rẩy (tremor^{*}), xuất mồ hôi, đau đầu, tiêu chảy, khó ngủ, hay hồi hộp, chóng mặt hay mất tốiさま lại (nhất là khi đứng lên đột ngột từ tư thế nằm hoặc ngồi), huyết áp thấp.

Chứng cương dương vật (sự cương cứng dương vật, kéo dài và làm đau đớn) là một phản ứng phụ hiếm xảy ra của trazodone. Chứng này có thể là một phản ứng phụ nghiêm trọng và cần phải có sự chăm sóc y tế tức thời.

Trazodone (còn được gọi là Desyrel) (tiếp theo)

Dị ứng:

Một hoặc vài tập hợp của những triệu chứng sau, ngứa ngáy hay phát ban, sưng trên mặt hay trên tay, sưng hay ngứa ngáy trong miệng hoặc cổ họng, nặng ngực và/hay khó thở. Nếu thấy bất cứ các dấu hiệu hay triệu chứng này, quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn.

Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc khác mà quý vị cần phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Trazodone (còn được gọi là Desyrel) (tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Tremors: Run rẩy

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Venlafaxine (còn được gọi là Effexor)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một trong số những loại thuốc được gọi là thuốc trị trầm cảm (antidepressants). Thuốc thường được dùng nhiều nhất trong việc điều trị các triệu chứng của trầm cảm như chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự vật, cảm giác bất lực, mất hy vọng, vô dụng, buồn bã, mệt mỏi hoặc mất năng lực thường ngày, mất hứng thú, thay đổi trong giấc ngủ, thay đổi sự ăn ngon miệng hoặc thói quen ăn uống, khó khăn trong việc quyết định một việc gì, giảm khả năng cảnh giác hoặc khả năng tập trung, dễ tức giận, lo lắng hay mặc cảm tội lỗi quá nhiều, và có ý định tự làm thương tổn bản thân. Thuốc này cũng có thể giúp ngăn cản sự tái phát của các triệu chứng trầm cảm sau khi đã khỏi.

Quý vị phải hiểu rằng tất cả các loại thuốc trị trầm cảm cần phải mất một thời gian mới có tác dụng, thường là một vài tuần trở lên.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể có xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thường:

Khó ngủ, đau đầu, lo âu, hồi hộp hay bức rức, tăng huyết áp, nôn mửa, tiêu chảy, buồn ngủ (drowsiness^{*}), giảm sự thèm ăn và xuống cân, giảm sự thích hoặc khả năng tình dục, đổ mồ hôi.

Ít thông thường hơn:

Mệt mỏi, chóng mặt, có những giấc mơ bất thường, táo bón, giảm khả năng tập trung, tim đập nhanh hoặc không đều, khô miệng, mờ mắt, nôn mửa, run rẩy (tremor^{*}), lênh kinh phong (seizures^{*}).

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các sự ảnh hưởng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn.

Venlafaxine (còn được gọi là Effexor) (tiếp theo)

Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng (sedation), khiến việc lái xe hoặc điều khiển máy móc trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Khi được dùng để chữa chứng trầm cảm ở người bị bệnh rối loạn lưỡng cực (manic depressive illness) tất cả các thuốc trị bệnh trầm cảm đều có nguy cơ gây ra một giai đoạn hưng cảm (manic episode).

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng các thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Một vài báo cáo đề nghị rằng dùng thuốc này cho thiếu niên và trẻ em làm tăng cách ứng xử có tính tự sát của họ. Cơ quan FDA khuyên rằng những bệnh nhân dùng thuốc này cần phải được giám sát chặt chẽ bởi bác sĩ, nhất là lúc mới bắt đầu được điều trị và mỗi lần tăng liều lượng thuốc. Cơ quan FDA cũng nhấn mạnh rằng không được gián đoạn hoặc chấm dứt những trường hợp đang được điều trị mà không bàn trước với bác sĩ.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Venlafaxine (còn được gọi là Effexor) (tiếp theo)

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Xin vui lòng báo cho bác sĩ của quý vị biết nếu quý vị đang được điều trị về bệnh cao huyết áp (hypertension) _____

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Tremors: Run rẩy

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

III. CÁC LOẠI THUỐC TRỊ BỆNH LOẠN TÂM THẦN

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ)

chlorpromazine (còn được gọi là Thorazine)

fluphenazine [còn được gọi là Prolixin hay Prolixin Decanoate (dạng thuốc chích của fluphenazine)]

haloperidol [còn được gọi là Haldol hay Haldol Decanoate (dạng thuốc chích của haloperidol)]

loxpipamine (còn được gọi là Loxitane)

mesoridazine (còn được gọi là Serentil)

molindone (còn được gọi là Moban)

perphenazine (còn được gọi là Trilafon)

thioridazine (còn được gọi là Mellaril)

thiothixene (còn được gọi là Navane)

trifluoperazine (Stelazine) .

Dược phẩm đặc trưng:

Mục đích và hữu ích của thuốc này:

Thuốc này được gọi là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được.

Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập họp với người khác, và sự lanh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc.

Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ) (tiếp theo)

Thuốc chích Haloperidol Decanoate Thuốc này được tiêm vào bắp thịt. Thuốc này là dạng hoạt động lâu của haloperidol và thường được cho 4 tuần một lần. Thuốc phải được dùng theo toa. Không được ngưng thuốc đột ngột mà không hỏi ý kiến bác sĩ. Rát da, sưng đỏ và đau ở chỗ chích thuốc có thể xảy ra.

Thuốc chích Fluphenazine Decanoate: Thuốc này được tiêm vào bắp thịt hay dưới da. Thuốc phải được dùng theo toa, từ 1-4 tuần mỗi lần nếu cần hoặc có thể chịu đựng được. Không được ngưng thuốc đột ngột mà không hỏi ý kiến của bác sĩ. Một vài trường hợp có thể sẽ trở nên tệ hơn nếu ngưng thuốc đột ngột. Có thể phải mất đến hai tuần mới thấy sự ích lợi hoàn toàn của thuốc. Rát da, sưng đỏ và đau ở chỗ chích thuốc có thể xảy ra.

Các nguy cơ của thuốc này

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Trạng thái trầm lặng, bắp thịt trở nên cứng nhắc, vụng về, run rẩy (tremor^{*}), chuyển động bắp thịt chậm chạp, bắp thịt co thắt, bồn chồn, chóng mặt, táo bón, khô miệng, mờ mắt, lên cân, khó chịu bao tử, trở ngại về điều hòa thân nhiệt.

Một vài bệnh nhân khi dùng thuốc này có thể có trở ngại trong việc giữ cơ thể mát mẻ trong thời tiết nóng. Đây là một điều nguy hiểm khi có những đợt khí nóng (heat wave) hoặc là hoạt động quá mức. Cần uống nhiều chất lỏng, như nước, và ở trong chỗ mát.

Ít thông thường hơn:

Nghẹt mũi, đi tiểu khó, huyết áp thấp, tim đập nhanh bất thường hoặc không đều, bất lực (impotence^{*}), vú trở nên lớn hơn, mất chu kỳ kinh nguyệt, nhạy cảm khi ra dưới ánh nắng, khó nuốt, lên kinh phong (seizures^{*}).

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị hoặc lâu hơn. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiểm chế được của các cơ bắp. Những chuyển động này thường ở trong lưỡi, miệng và mặt, nhưng cũng còn có thể có ở các bộ phận khác của cơ thể, như chân, tay, hoặc thậm chí hiếm thấy trong các cơ bắp giúp cho quý vị hô hấp. Quý vị có thể không lưu ý những chuyển động này, mặc dù những người xung quanh có thể nhận thấy. Quý vị cũng cần phải hiểu rằng những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc. Nguy

Các thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ) (tiếp theo)

cơ xảy ra phản ứng phụ của thuốc này tăng theo thời gian quý vị được điều trị bằng thuốc trị bệnh loạn tâm thần và theo số tuổi ngày càng lớn của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận việc dùng một số các thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic) này cho người dưới 18 tuổi.

Chlorpromazine đã được chấp thuận cho bé 6 tháng trở lên (nhà sản xuất thuốc khuyên rằng nói chung không nên dùng thuốc cho các trẻ em này trừ khi căn bệnh cần điều trị là có nguy hiểm đến tính mạng), *haloperidol* cho 3 tuổi trở lên (ngoại trừ *haloperidol decanoate*, một dạng thuốc chích dùng cho người lớn), *trifluoperazine* cho 6 tuổi trở lên, *fluphenazine* cho 12 tuổi trở lên, *molindone* cho 12 tuổi trở lên, *thiothixene* cho 12 tuổi trở lên, và *lozapine* cho 16 tuổi trở lên.

Các thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ) (tiếp theo)

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Impotence: Còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng cǎng lén và giữ sự cương cứng.

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts

Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Mesoridazine (còn được gọi là Serentil)

Thioridazine (còn được gọi là Mellaril)

Dược phẩm đặc trưng:

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này được gọi là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn, giúp quý vị bỏ những cảm giác nghi ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập hợp với người khác, và sự lanh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

- Thioridazine và mesoridazine được dùng cho những bệnh nhân tâm thần phân liệt mà hoặc không chịu được các thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần khác hoặc những thuốc này không có tác dụng đối với họ. Bác sĩ của quý vị có thể yêu cầu một ECG (trắc nghiệm theo dõi tim) để biết chắc về hoạt động thích đáng của nó.**

Tương đối thông thường:

Trạng thái trầm lặng, bắp thịt trở nên cứng nhắc, vụng về, run rẩy (tremor^{*}), chuyển động bắp thịt chậm chạp, bắp thịt co thắt, bồn chồn, chóng mặt, táo bón, khô miệng, mờ mắt, lên cân, khó chịu bao tử.

Các thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ) (tiếp theo)

Ít thông thường hơn:

Nghẹt mũi, đi tiểu khó, huyết áp thấp, tim đập nhanh bất thường hoặc không đều, bất lực (impotence^{*}), vú trở nên lớn hơn, mất chu kỳ kinh nguyệt, nhạy cảm khi ra dưới ánh nắng, khó nuốt, lên kinh phong (seizures^{*}).

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiềm chế được của các cơ bắp. Những chuyển động này thường ở trong lưỡi, miệng và mặt, nhưng cũng còn có thể có ở các bộ phận khác của cơ thể, như chân, tay, hoặc thậm chí hiếm thấy trong các cơ bắp giúp cho quý vị hô hấp. Quý vị có thể không lưu ý những chuyển động này, mặc dù những người xung quanh có thể nhận thấy. Quý vị cũng cần phải hiểu rằng những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc. Nguy cơ xảy ra phản ứng phụ của thuốc này tăng theo thời gian quý vị được điều trị bằng thuốc trị bệnh loạn tâm thần và theo số tuổi ngày càng lớn của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Các thuốc trị bệnh loạn tâm thần (với các nhân tố cũ) (tiếp theo)

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận việc dùng một số các thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic) này cho người dưới 18 tuổi.

Thioridazine cho 2 tuổi trở lên, và *mesoridazine* cho 12 tuổi trở lên.

Nếu quý vị đang nhận propranolol (Inderal), fluvozamine (Luvox) hay fluoxetine (Prozac), xin vui lòng kiểm tra với bác sĩ của mình.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Impotence: Còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng cǎng lén và giữ sự cương cứng.

*Seizures: Diết tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Aripiprazole (còn được gọi là Abilify)

Dược phẩm đặc trưng:

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Aripiprazole là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn tâm thần phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác nghi ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập họp với người khác, và sự lanh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Táo bón, đau đầu, nôn mửa, lo âu, phát ban, buồn ngủ, lên cân, mất tối sầm, mất ngủ, bồn chồn, cử động liên tục.

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Aripiprazole (còn được gọi là Abilify) (tiếp theo)

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ phát hiện bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ít thông thường hơn:

Chứng co giật, khó thở, tim đập nhanh, sốt cao, huyết áp cao hoặc thấp, mồ hôi tăng, co giật cơ bắp, cơ bắp trở nên cứng, ngất xỉu bất ngờ, da xanh nhợt bất thường.

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị hoặc lâu hơn. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiềm chế được của các cơ bắp. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Nguy cơ mắc chứng tardive dyskinesia của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc về phản ứng phụ này, hãy bàn với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải

Aripiprazole (còn được gọi là Abilify) (tiếp theo)

tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Quý vị có thể bị nóng quá mức trong lúc quý vị dùng thuốc này. Nên cẩn thận nếu quý vị tập thể dục thái quá hoặc ở chỗ có nhiệt độ cao hay nhiều hơi nước. Uống nhiều nước mỗi ngày.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận việc dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Clozapine (còn được gọi là Clozaril)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Clozapine là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập hợp với người khác, và sự lanh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Lên cân, trạng thái trầm lặng, chảy nước dãi hay tăng lượng nước dãi, tăng mờ trong máu, tim đập nhanh, chóng mặt, huyết áp thấp, nôn mửa, táo bón, mờ mắt, bồn chồn, có vấn đề về gan, về lượng đường trong máu, lên kinh phong (seizures^{*}).

Ít thông thường hơn:

Khô miệng, ban đêm không kiểm soát được bọng đái, có vấn đề nuốt hay nghẹn, thay đổi nhịp tim, co quắp cơ bắp, sốt, viêm màng tim, máu đóng cục, nhất là dưới chân.

Clozapine (còn được gọi là Clozaril)(tiếp theo)

Lượng bạch huyết cầu thấp:

Điều này có nghĩa là sự tụt thấp số lượng của những tế bào chống nhiễm trùng trong máu của quý vị. Điều này xảy ra cho chừng 1 trong 100 người (1%) được điều trị bằng clozapine, và thông thường nhất là trong 6 tháng đầu của sự điều trị. Nó có thể trở nên rất nghiêm trọng và có thể gây tử vong, nhất là nếu không nhanh chóng được khám phá. Trong hầu hết các trường hợp, một khi phản ứng phụ này được phát hiện và clozapine được ngưng, lượng bạch huyết cầu trở lại mức bình thường. **Để kiểm tra vấn đề này quý vị sẽ được yêu cầu thử máu mỗi tuần ít nhất trong vòng 6 tháng đầu của sự điều trị và ít nhất mỗi 2 tuần chừng nào quý vị còn dùng thuốc clozapine.** Quý vị cũng cần phải biết rằng một sự rát cổ họng, một cơn sốt, hay triệu chứng của bệnh cúm (flu) cũng có thể là dấu hiệu của vấn đề này, và quý vị cần phải báo cho bác sĩ. Nếu vấn đề này xảy ra, quý vị sẽ không thể dùng clozapine được nữa.

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Các triệu chứng của sự khát nước cực độ, hay đi tiểu tiện, đói nhiều, và yếu người cần phải được báo cho bác sĩ của quý vị. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiểm chế được của các cơ bắp. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động cơ bắp bất thường mà quý vị không kiểm chế được. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Clozapine (còn được gọi là Clozaril) (tiếp theo)

Nguy cơ mắc chứng tardive dyskinesia của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc về phản ứng phụ này, hãy bàn với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Nếu quý vị phát triển các triệu chứng có dạng cúm (flu-like), nặng ngực, và/hoặc khó thở, liên lạc ngay với nhà cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Nếu quý vị thấy đau dưới chân, có thể đó là dấu hiệu của bệnh máu đóng cục rất nghiêm trọng. Liên lạc ngay với nhà cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận việc dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Clozapine (còn được gọi là Clozaril) (tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Olanzapine (còn được gọi là Zyprexa)

Olanzapine dạng tiêm (còn được gọi là Thuốc tiêm Zyprexa)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Olanzapine là thuốc trị bệnh rối loạn (antipsychotic) và giúp ổn định trạng thái tâm thần. Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác nghi ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập họp với người khác, và sự lanh lẹ trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Dạng chính của thuốc này chỉ được tiêm vào bắp thịt mà thôi. Dạng này được dùng để trị trạng thái khích động quá mức. Thuốc được khuyên nên dùng mỗi 2-4 tiếng đồng hồ và không được vượt quá 30 mg trong 24 giờ. Thuốc có công hiệu ngắn hạn (tác dụng không kéo dài quá lâu) và chỉ được dùng cho sự kiềm chế ngắn hạn của trạng thái khích động quá mức. Thuốc *olanzapine* được ưa chuộng trong việc điều trị có tính cách bảo trì.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Lên cân, trạng thái trầm lặng, khích động, chóng mặt, táo bón, khô miệng, bồn chồn, có vấn đề về gan, về lượng đường trong máu. Chỗ tiêm sưng đỏ và đau có thể xảy ra

Olanzapine (còn được gọi là Zyprexa) (tiếp theo)

Olanzapine dạng tiêm (còn được gọi là Thuốc tiêm Zyprexa)(tiếp theo)

với thuốc tiêm của *olanzapine*. Một vài bệnh nhân dùng *olanzapine* dạng chích có thể có huyết áp thấp.

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Các triệu chứng của sự khát nước cực độ, hay đi tiểu tiện, đói nhiều, và yếu người cần phải được báo cho bác sĩ của quý vị. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ít thông thường hơn:

Lên kinh phong (seizures^{*}), khó nuốt, bắp thịt trở nên cứng, run rẩy (tremors^{*}), cơ bắp cử động chậm chạp, co quắp cơ bắp, thay đổi thân nhiệt (nóng quá hoặc lạnh quá), bệnh tăng nhãn áp (glaucoma^{*}) trở nên tệ hơn (quý vị sẽ thấy đau đớn nhiều ở mắt nếu quý vị có triệu chứng này, và quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.)

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động cơ bắp bất thường mà quý vị không kiềm chế được. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngừng thuốc.

Nguy cơ mắc chứng tardive dyskinesia của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc về phản ứng phụ này, hãy bàn với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã

Olanzapine (còn được gọi là Zyprexa) (tiếp theo)

Olanzapine dạng tiêm (còn được gọi là Thuốc tiêm Zyprexa) (tiếp theo)

chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc, vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận việc dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Olanzapine (còn được gọi là Zyprexa) (tiếp theo)

Olanzapine dạng tiêm (còn được gọi là Thuốc tiêm Zyprexa) (tiếp theo)

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Tremors: Run rẩy

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là thay đổi áp suất của mắt.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Quetiapine (còn được gọi là Seroquel)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Quetiapine là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập hợp với người khác, và sự lanh lẹ trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, huyết áp thấp khi đứng dậy nhanh quá, khô miệng, khó chịu trong dạ dày, buồn ngủ, đau đầu, táo bón, lên cân, có vấn đề về gan (thông thường những triệu chứng này tự trở lại bình thường), tăng lượng mỡ trong máu.

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Quetiapine (còn được gọi là Seroquel) (tiếp theo)

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ít thông thường hơn:

Bắp thịt trở nên cứng, run rẩy (tremors^{*}), cơ bắp cử động chậm chạp, co quắp cơ bắp, bồn chồn, lén kinh phong (seizures^{*}), giảm mức các tuyến giáp, tim đập nhanh.

Các bệnh đục nhân mắt (cataracts):

Bệnh đục nhân mắt xảy ra khi tròng mắt của quý vị bị kéo mây. Điều này làm giảm thị giác và thậm chí trong một vài trường hợp làm mù mắt. Khi *quetiapine* được thử nghiệm với thú vật trong phòng thí nghiệm, một vài con đã mắc bệnh đục nhân mắt. Một số người dùng *quetiapine* trong một thời gian dài nghiên cứu cũng đã thay kính mắt. Người ta còn chưa biết phản ứng phụ này thường xảy ra đến mức nào và nghiêm trọng đến độ nào, nhưng bác sĩ của quý vị có thể yêu cầu quý vị đi khám mắt để kiểm tra bệnh này trước khi bắt đầu dùng *quetiapine* và theo định kỳ sau đó.

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động cơ bắp bất thường mà quý vị không kiềm chế được. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Nguy cơ mắc chứng *tardive dyskinesia* của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc về phản ứng phụ này, hãy bàn với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Quetiapine (còn được gọi là Seroquel) (tiếp theo)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ của quý vị có thể bảo cho quý vị những sự lựa chọn mà quý vị có. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Sự an toàn và độ hữu hiệu của *quetiapine* vẫn chưa được xác định hoặc chấp thuận bởi Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Risperidone (còn được gọi là Risperdal)

Risperidone dạng tiêm (còn được gọi là Risperdal Consta)

Mục đích và lợi của thuốc này:

Risperidone là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác nghi ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập hợp với người khác, và sự lãnh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Risperidone dạng tiêm được chích vào mông (IM) bởi chuyên viên y tế 2 tuần một lần. Thay đổi mỗi bên mông mỗi lần chích thuốc. Sau khi chích, phải mất tới 3 tuần **Risperidone** mới bắt đầu có tác dụng. Suốt trong thời gian này, quý vị vẫn phải dùng loại uống bằng miệng của thuốc này hoặc thuốc khác cho bệnh của quý vị. Sau 3 tuần, bác sĩ sẽ cho quý vị ngưng loại thuốc uống, nhưng phải tuân theo sự chỉ dẫn. Liều lượng thuốc được dựa trên tình trạng của quý vị và sự phản ứng của quý vị đối với liệu pháp chữa trị. Cần phải tiếp tục dùng thuốc theo sự chỉ dẫn, ngay cả khi quý vị cảm thấy đã đỡ và suy nghĩ đã mạch lạc.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Khó ngủ, trạng thái trầm lặng, dễ tức giận, hồi hộp hay bất an, bắp thịt trở nên cứng, run rẩy (tremors^{*}), cơ bắp cử động chậm chạp, co quắp cơ bắp, bồn chồn, chóng mặt.

Risperidone (còn được gọi là Risperdal) (tiếp theo)

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Thuốc chích – Có thể sưng đỏ, và đau ở chỗ chích.

Ít thông thường hơn:

Nghẹt mũi, đau đầu, táo bón, khô miệng, lên cân, huyết áp thấp, bất lực (impotence^{*}), giảm ý thích tình dục hay giảm khả năng đạt tới cực khoái hay xuất tinh, vú lớn, mất chu kỳ kinh nguyệt, lên kinh phong (seizures^{*}).

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần này trong một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động cơ bắp bất thường mà quý vị không kiểm chế được. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Nguy cơ mắc chứng tardive dyskinesia của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc về phản ứng phụ này, hãy nói chuyện với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Risperidone (còn được gọi là Risperdal) (tiếp theo)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Impotence: còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng cǎng lèn và giữ sự cương cứng

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Ziprasidone (còn được gọi là Geodon)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Ziprasidone là thuốc trị bệnh rối loạn tâm thần (antipsychotic). Thuốc đã được chứng minh là hữu ích trong việc trị liệu các vấn đề có trong các bệnh tâm thần nghiêm trọng như bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc (schizoaffective). Các vấn đề này có thể bao gồm ảo giác (thấy, cảm giác, hay nghe những sự việc trong lúc không có ai ở đó) hoặc ảo tưởng (sự tin chắc vào một điều không có thật). Thuốc này còn có thể giúp cho quý vị suy nghĩ được rõ ràng hơn nên những điều quý vị nói đối với người khác sẽ dễ hiểu hơn. Thuốc cũng giúp quý vị bỏ những cảm giác ngờ hoặc hoang tưởng (paranoid), và bỏ những niềm tin mà người khác cho là không thể hiểu được. Những ý nghĩ đuổi nhau, hành vi điên khùng, khó khăn trong việc tập trung tư tưởng, và nóng giận quá đáng cũng có thể trị được. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tích cực” (“positive”). Thuốc cũng có thể giúp cho một nhóm triệu chứng khác bao gồm sự thiếu động cơ thúc đẩy để làm những việc mà quý vị thích, khó khăn trong việc tập hợp với người khác, và sự lanh đạm trong việc tham gia các chương trình, trường học, hay các cơ hội làm việc. Những triệu chứng này được gọi là những triệu chứng “tiêu cực” (“negative”).

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), tim đập nhanh, chậm, không đều hay đập mạnh, choáng váng, bắp thịt trở nên cứng, lúng túng không phân biệt được, tiêu chảy, bồn chồn.

Ít thông thường hơn:

Lên cân, lên kinh phong (seizures^{*}), khó nuốt, thay đổi thân nhiệt (nóng quá hoặc lạnh quá), lèn ban.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường.

Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ziprasidone (còn được gọi là Geodon) (tiếp theo)

Có lịch sử về đột quy (stroke) hay bệnh tim hay lượng chất khoáng trong máu bị thấp như magnesium hay potassium có thể gây ra sự thay đổi nhịp tim; do vậy, bác sĩ có thể yêu cầu thử máu đơn giản để quan sát những vấn đề này. Bác sĩ của quý vị cũng có thể yêu cầu làm ECG (trắc nghiệm quan sát nhịp tim) để biết chức tim của quý vị bình thường trước khi bắt đầu thuốc và theo định kỳ sau đó.

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiểm chế được của các cơ bắp. Những chuyển động này thường ở trong lưỡi, miệng và mặt, nhưng cũng còn có thể có ở các bộ phận khác của cơ thể, như chân, tay, hoặc thậm chí hiếm thấy trong các cơ bắp giúp cho quý vị hô hấp. Quý vị có thể không lưu ý những chuyển động này, mặc dù những người xung quanh có thể nhận thấy. Quý vị cũng cần phải hiểu rằng những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc. Phản ứng phụ xảy ra của thuốc này tăng theo thời gian quý vị được điều trị bằng thuốc trị bệnh loạn tâm thần và theo số tuổi ngày càng lớn của quý vị.

Số người bị phản ứng phụ của Ziprasidone là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Ziprasidone (còn được gọi là Geodon) (tiếp theo)

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

furosemide (Lasix), spironolactone (Aldactone), hydrochlorothiazide, ketoconazole Nizoral), propranolol (Inderal)

Các thứ khác:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

IV. CÁC THUỐC ỔN ĐỊNH TRẠNG THÁI TÂM THẦN

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiêu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Carbamazepine (còn được gọi là Tegretol, Carbatrol và các loại khác)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này được dùng cho một các mục đích khác nhau. *Carbamazepine* thường được dùng để kiềm chế một số dạng kinh phong nhất định (seizures^{*}). *Carbamazepine* cũng còn được dùng một cách rộng rãi cho chứng rối loạn lưỡng cực. Thuốc có thể dùng để ổn định tình trạng đánh đu trạng thái (mood swing) (thay đổi trạng thái trong bất cứ chiều hướng nào giữa trầm cảm, bình thường, hay điên loạn) trong những người bị bệnh lưỡng cực hay rối loạn tâm thần kiểu phân liệt. Thuốc đôi khi được dùng để chữa cách ứng xử bốc đồng, và các bệnh tâm thần khác.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, buồn ngủ (drowsiness^{*}), nói lắp, vụng về, nôn mửa, khó chịu dạ dày, tiêu chảy, có vấn đề về gan.

Ít thông thường hơn:

Lóng túng không phân biệt được, lênh ban, mắt mờ hay nhìn thấy 2 hình giống nhau, mắt đảo qua đảo lại, chảy máu hay bầm tím bất thường, đau đầu, nhịp tim không đều, thiếu chất muối (sodium).

Hiếm xảy ra:

Có bệnh về gan, sốt.

Đi ứng:

Một hay tập hợp của những triệu chứng sau, ngứa hoặc lênh ban, sưng trên mặt hay trên tay, sưng hay ngứa trong miệng hay cổ họng, nặng ngực hay/và khó thở. Nếu thấy những dấu hiệu này, cần phải tìm đến sự chăm sóc y tế.

Nhằm để giữ cho mức thuốc trong cơ thể của quý vị ở mức độ đúng đắn, và để giảm những nguy cơ của các phản ứng phụ, thỉnh thoảng cần phải thử máu trong lúc quý vị dùng thuốc này.

Carbamazepine (còn được gọi là Tegretol, Carbatrol và các loại khác)(tiếp theo)

Quý vị cũng cần phải báo cho bác sĩ biết nếu quý vị bị sốt, đau cổ họng, đau miệng, hay lưu ý thấy mình bị bầm tím một cách dễ dàng, có những chấm nhỏ màu tím trên da, chảy máu mũi, hay nước tiểu sậm màu. Đây là những dấu hiệu của những vấn đề về máu và có thể cần phải kiểm tra thêm.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Tuy nhiên người ta tin rằng một vài dị tật bẩm sinh có thể có liên quan tới thuốc này. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Thuốc này đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chấp thuận cho dùng để điều trị chứng lèn kinh phong cho người từ 6 tuổi trở lên.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Carbamazepine (còn được gọi là Tegretol, Carbatrol và các loại khác) (tiếp theo)

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Drowsiness: Buồn ngủ

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiêu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Gabapentin (còn được gọi là Neurontin)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này thường được dùng để kiềm chế một số loại kinh phong (seizure^{*}) nhất định. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái), các chứng tâm thần khác, và giúp giảm một số cơn đau thần kinh. Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Ngủ mơ màng, chóng mặt, phối hợp khó khăn, mệt mỏi, mắt giật, run rẩy (tremors^{*}).

Ít thông thường hơn:

Nhin không rõ hay thấy 2 hình giống nhau, lo âu, nói không rõ, kém trí nhớ, lèn cân, khó chịu dạ dày, đau lưng, sưng trên tay hay chân, co quắp cơ bắp, giảm lượng bạch huyết cầu.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc có thể sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng hoặc chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ.

Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên**

Gabapentin (còn được gọi là Neurontin) (tiếp theo)

uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này cho trẻ em dưới 3 tuổi để điều trị các chứng lèn kinh phong.

Bệnh nhân cao niên và những người có bệnh về thận:

Gabapentin được tiết ra khỏi cơ thể của quý vị bằng hai quả thận. Khi người trổ nên lớn tuổi đi, hai quả thận của họ làm việc chậm hơn. Vì thế, liều lượng của *Gabapentin* được điều chỉnh theo chức năng của thận của quý vị. Có thể cần phải thử máu để kiểm tra chức năng của thận.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Không được dùng thuốc khử acid (antacids) trong vòng 1-2 giờ (tums, mylanta, vv.)

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Tremors: Run rẩy

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Lamotrigine (còn được gọi là Lamictal)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này thường được dùng để kiềm chế một số loại kinh phong (seizure^{*}) nhất định. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái), chứng rối loạn tâm thần kiểu phân liệt. Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, mắt mờ hay nhìn ra hai hình, đau đầu, nôn mửa, trạng thái trầm lặng, lên ban (rash^{*}).

Ít thông thường hơn:

Tiêu chảy, khó chịu dạ dày, đau bắp thịt hay khớp xương, khó ngủ, run rẩy (tremors^{*}), nghẹt mũi, và đối với phụ nữ tăng khả năng bị nhiễm trùng âm đạo.

Lên ban:

Lamotrigine làm lên ban khoảng chừng 1 trong 10 người trong thời gian nghiên cứu. Phần lớn những chứng lên ban không gây ra nguy hại rõ rệt, nhưng sự phản ứng có thể trở nên nghiêm trọng.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị và sẽ gây trở ngại cho con quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng hoặc chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần

Lamotrigine (còn được gọi là Lamictal)(tiếp theo)

phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này cho người dưới 17 tuổi. Thuốc này khi được dùng cho người trẻ tuổi đã được tìm thấy có liên hệ tới sự nổi ban rất phổ biến mà có thể nghiêm trọng và nguy hại tới tính mạng.

Bệnh nhân cao niên:

Rất ít bệnh nhân trên 65 tuổi đã được điều trị bằng thuốc này trong các cuộc nghiên cứu chính thức. Do vậy, sự an toàn và sự công hiệu của *Lamotrigine* trong nhóm tuổi này còn chưa chắc chắn.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần đặc biệt quan tâm tới:

Thuốc này có các tác động tương tác với các loại thuốc khác, nhất là những loại dùng để chữa chứng rối loạn lưỡng cực hay lên kinh phong (seizure^{*}), giống như Depakote hay Tegretol. Cần phải nói với bác sĩ về tất cả các thuốc quý vị đang dùng, mặc dù trong nhiều trường hợp điều này đã được biết trước.

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Tremors: Run rẩy

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Lithium:

Lithium Carbonate (còn được gọi là Eskalith, Lithobid, Lithonate và Lithotabs)

Lithium Citrate Syrup

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Lithium được dùng cho một số mục đích khác nhau. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái), chứng rối loạn tâm thần kiểu phân liệt.

Thuốc cũng có thể được dùng trị các chứng bệnh khác, như là chứng trầm cảm, cách ứng xử bồng bột, hay để làm sự điều trị chứng tâm thần phân liệt tốt hơn. Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Dễ khát nước, tăng lượng nước tiểu, nôn mửa, lên cân, tay run (tremors^{*}), mệt mỏi, cảm thấy mùi kim loại, có vấn đề về tuyến giáp.

Ít thông thường hơn:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), kém trí nhớ, có vấn đề về tập trung hay chú ý, cơ bắp yếu, nổi mụn.

Những phản ứng phụ cần phải có sự quan tâm y tế ngay lập tức:

Nôn mửa, tiêu chảy, mệt mỏi, run tay hoặc chân một cách nghiêm trọng, nói năng khó, nói không rõ, lên kinh phong (seizure^{*}).

Nhằm bảo đảm mức độ thuốc trong người quý vị ở mức đúng đắn, và để giảm thiểu nguy cơ của các phản ứng phụ của sự hữu dụng dài hạn của chức năng thận và tuyến giáp, cần phải thỉnh thoảng thử máu trong lúc quý vị dùng thuốc này.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Tuy nhiên người ta tin rằng một vài dị tật bẩm sinh có thể có liên quan tới thuốc này. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể

Lithium (tiếp theo)

cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này cho trẻ em dưới 12 tuổi. Tuy nhiên, sự áp dụng thuốc này với trẻ em dưới 12 tuổi đã được đăng trong các sách vở y khoa.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt: Dùng các loại thuốc giảm đau mua qua quầy (không cần toa), như naproxen hay ibuprofen [không phải là Tylenol (acetaminophen)] có thể làm tăng lượng lithium của quý vị một cách đáng kể. Xin vui lòng thảo luận với nhóm chăm sóc y tế của quý vị nếu cần phải dùng dài hạn.

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Olanzapine/Fluoxetine (còn được gọi là Symbyax)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này là một tập hợp của 2 loại thuốc, *Olanzapine* (một loại thuốc chữa bệnh tâm thần) và *Fluoxetine* [một loại thuốc ức chế sự tái thu nhận có chọn lọc serotonin – thuốc trị chứng trầm cảm (antidepressant) SSRI (a selective serotonin re-uptake inhibitor)]. Thuốc được dùng để điều trị một loại rối loạn tâm thần/tình cảm nhất định (trầm cảm cộng với rối loạn lưỡng cực). Thuốc có tác dụng bằng cách phục hồi sự cân bằng của một số hóa chất tự nhiên nào đó trong não.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Lên cân, trạng thái trầm lặng, dễ nóng giận, chóng mặt, táo bón hay tiêu chảy, khô miệng, bồn chồn, khó ngủ, những giấc mơ bất thường, giảm thèm muốn tình dục, có vấn đề về gan, và lượng đường trong máu.

Lên cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lên cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lên cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của bạn về vấn đề ngừa lên cân.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ít thông thường hơn:

Lên kinh phong (seizures^{*}), khó nuốt, cơ bắp trở nên cứng, run rẩy (tremors^{*}), cơ bắp cử động chậm chạp, bắp thịt co giật, thay đổi thân nhiệt (nóng quá hay lạnh quá), làm

Olanzapine/Fluoxetine (còn được gọi là Symbax) (tiếp theo)

bệnh tăng nhãn áp trở nên tệ hơn (glaucoma^{*}) (nếu xảy ra quý vị sẽ thấy đau mắt trầm trọng, và quý vị cần phải có sự chăm sóc y tế.)

Nam giới: Trong trường hợp hàn họng nếu dương vật của quý vị bị cương cứng lâu và làm đau đớn, ngưng dùng thuốc và tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức nếu không sẽ có vấn đề khó khăn vĩnh viễn.

Tardive dyskinesia:

Phản ứng phụ này có thể xảy ra cho những người dùng thuốc trị bệnh loạn tâm thần một thời gian dài. Thông thường, phản ứng phụ này chỉ xảy ra sau 6 tháng điều trị trở lên. Nó bao gồm những cử động bất thường và không kiềm chế được của các cơ bắp. Những cử động này có thể sẽ không mất đi ngay cả khi đã ngưng thuốc.

Nguy cơ mắc chứng tardive dyskinesia của thuốc này là thấp một cách đáng kể so với các loại thuốc trị bệnh loạn tâm thần khác cũ hơn. Nếu quý vị có thắc mắc thêm về phản ứng phụ này, hãy nói chuyện với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị.

Hội chứng Neuroleptic ác tính (Neuroleptic malignant syndrome):

Đây là một vấn đề hiếm thấy mà có thể xảy ra với bất cứ thuốc trị bệnh loạn tâm thần nào. Những người bị phản ứng phụ này đều có thay đổi trong cách họ ứng xử, một cơn sốt, bắp thịt trở nên cứng nhắc, và thay đổi trong huyết áp và nhịp đập của tim. Tuy hiếm và phần lớn những người bị đều hoàn toàn bình phục, một vài người đã chết vì phản ứng phụ này. Nếu thấy có những triệu chứng này, hãy liên lạc ngay với người cung cấp sự chăm sóc y tế của quý vị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự lựa chọn của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng hoặc chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Olanzapine/Fluoxetine (còn được gọi là Symbyax) (tiếp theo)

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này cho người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là thay đổi áp suất của mắt

*Tremors: Run rẩy

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Oxcarbazepine (còn được gọi là Trileptal)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này thường được dùng để kiềm chế một số loại kinh phong (seizures^{*}) nhất định. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng rối loạn lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái), hay một số cơn đau thần kinh trên mặt. Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Ngủ mơ mànggà, chóng mặt, mệt mỏi, nôn mửa, thị giác bất thường, phát ban, và nổi mụn.

Ít thông thường hơn:

Phát ban trên da một cách nghiêm trọng, lượng bạch huyết cầu thấp.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc có thể sẽ có trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng hoặc chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Oxcarbazepine (còn được gọi là Trileptal) (tiếp theo)

Trẻ em và thiếu niên:

Oxcarbazepine đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chấp thuận để điều trị một số chứng lênh kinh phong (seizures^{*}) ở trẻ em 4 tuổi trở lên. Liều lượng được căn cứ vào trọng lượng của bệnh nhân.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Topiramate (còn được gọi là Topamax)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này thường được dùng để kiềm chế một số loại kinh phong (seizures^{*}) nhất định. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng rối loạn lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái). Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Ngủ mơ màng, chóng mặt, xuống cân, phối hợp khó khăn, mệt mỏi, mắt có những cử động máy giật, hồi hộp, tập trung tư tưởng khó khăn, trí nhớ giảm và có thể khó khăn khi nói.

Ít thông thường hơn:

Giảm đi tiểu, sạn thận, và bệnh tăng nhãn áp đóng góc độ cấp 2 (secondary angle closure glaucoma^{*}), liên lạc ngay với bác sĩ nếu quý vị thấy mắt mờ hay đau mắt. Triệu chứng thông thường xảy ra trong vòng tháng đầu của sự điều trị.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc có thể hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng hoặc chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ.

Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên**

Topiramate (còn được gọi là Topamax)(tiếp theo)

uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.

Trẻ em và thiếu niên:

Topiramate đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chấp thuận để điều trị một số chứng lênh kinh phong (seizures^{*}) ở trẻ em 2 tuổi trở lên. Liều lượng được căn cứ vào trọng lượng của bệnh nhân.

Bệnh nhân cao niên và những người có bệnh về thận:

Topiramate được tiết ra khỏi cơ thể của quý vị bằng hai quả thận. Khi người trớn nêng già đi, hai quả thận của họ làm việc chậm hơn. Vì thế, liều lượng của *topiramate* được điều chỉnh theo chức năng của thận của quý vị. Có thể cần phải thử máu để kiểm tra chức năng của thận.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trớn hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Quý vị nên uống nhiều ly nước mỗi ngày trong lúc dùng *topiramate* nhằm giảm nguy cơ mắc bệnh sạn thận do thiếu nước.

Bảng chú giải thuật ngữ

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là làm thay đổi áp suất của mắt

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Valproic Acid (còn được gọi là Depakene) Divalproex Sodium (còn được gọi là Depakote)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này thường được dùng để kiềm chế một số loại kinh phong (seizures^{*}) nhất định. Thuốc cũng có thể dùng trị chứng rối loạn lưỡng cực (tình trạng đánh đu trạng thái), rối loạn tâm thần kiểu phẫn liệt và các chứng đau nửa đầu (migraine headaches^{*}). Thuốc đôi khi còn dùng để chữa các chứng khác như hành động bồng bột, và các bệnh tâm thần khác. Bác sĩ có thể giải thích các mục đích khác này nếu thấy thích hợp cho quý vị.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Buồn mửa, đau dạ dày, bệnh co rút dạ dày nhẹ, thay đổi chu kỳ kinh nguyệt, tiêu chảy, mệt mỏi, lèn cân, rụng tóc, khó khăn trong tập trung tư tưởng và kém trí nhớ.

Lèn cân có thể xảy ra với thuốc này và có thể ngừa được trong nhiều trường hợp nếu các phương thức và sự trợ giúp đúng đắn đã được sắp đặt. Nguyên do của sự lèn cân còn chưa được biết nhưng có thể liên quan tới sự kiểm soát của cảm giác thèm ăn như ăn không thấy no, dẫn đến sự ăn thêm. Những người lèn cân có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường (diabetes) (xem dưới đây) hoặc có mỡ trong máu và có thể dẫn tới bệnh tim. Nên bàn với nhóm điều trị của quý vị về vấn đề ngừa lèn cân.

Bệnh tiểu đường (diabetes) (khó khăn trong vấn đề kiểm soát chất đường) có thể có nhiều nguy cơ hơn cho người dùng thuốc này. Nguồn gốc dân tộc, lịch sử gia đình và lịch sử y khoa của quý vị cũng có thể ảnh hưởng đến nguy cơ mắc bệnh tiểu đường. Xin vui lòng thảo luận với người cung cấp chăm sóc y tế của quý vị về những nguy cơ này.

Ít thông thường hơn:

Run rẩy (tremors^{*}), buồn ngủ (drowsiness^{*}), đứng không vững, đau gan (hiếm xảy ra hư gan), viêm tuyến tụy (pancreatitis^{*}), chảy máu hay bầm tím bất thường, đau đầu.

**Valproic Acid (còn được gọi là Depakene) (tiếp theo)
Divalproex Sodium (còn được gọi là Depakote) (tiếp theo)**

Nhằm bảo đảm mức độ thuốc trong người quý vị ở mức dung dǎn, và để giảm thiểu nguy cơ của các phản ứng phụ nghiêm trọng, cần phải thỉnh thoảng thử máu trong lúc quý vị dùng thuốc này.

Quý vị cũng cần phải báo ngay cho bác sĩ nếu nhận thấy mình bị bầm tím một cách dễ dàng, có những chấm màu tím trên da, chảy máu mũi, nước tiểu sậm màu, đau bụng dưới, nôn mửa, hay biếng ăn (anorexia^{*}). Đó có thể là những dấu hiệu cho thấy gan hay tuyến tụy của quý vị có vấn đề và có thể cần phải kiểm tra thêm.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Tuy nhiên người ta tin rằng một vài dị tật bẩm sinh có thể có liên quan tới thuốc này. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ (drowsiness^{*}), khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận việc dùng thuốc này để điều trị một số chứng lén kinh phong (seizures^{*}) ở trẻ em 2 tuổi trở lên, trong việc điều trị chứng đau nửa đầu (migraines^{*}) ở người 16 tuổi trở lên, và trong việc điều trị chứng điên loạn ở người 18 tuổi trở lên.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Valproic Acid (còn được gọi là Depakene) (tiếp theo)
Divalproex Sodium (còn được gọi là Depakote)(tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

- *Migraine Headache: Nhức đầu, gây đau từ nhẹ đến nặng, thông thường một bên đầu, trở nên đau hơn do hoạt động mạnh, ánh sáng, âm thanh hay mùi vị, và thỉnh thoảng có thể kèm theo nôn mửa.
- *Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.
- *Tremors: Run rẩy
- *Pancreatitis: Thình lình xảy ra hay viêm lâu ngày của tuyến tụy mà có thể nhẹ hay nguy hại đến tính mạng.
- *Drowsiness: Buồn ngủ
- *Anorexia: Mất ý thích ăn uống gây ra xuống cân nhiều và mất chất dinh dưỡng.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Verapamil (Calan, Isoptin, Verelan)

Mục đích và lợi ích của thuốc này:

Thuốc này được dùng cho một số mục đích khác nhau. *Verapamil* thường được dùng để điều trị những người có huyết áp cao, nhịp tim nhanh, hay đau lồng ngực. Thuốc đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) xác nhận là an toàn và hữu hiệu cho những mục đích này. *Verapamil* cũng còn được dùng để chữa các chứng bệnh khác mà chưa được sự chấp thuận của FDA, như chứng điên loạn.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Táo bón, chóng mặt, áp suất thấp, đau đầu, mệt mỏi, nôn mửa.

Ít thông thường hơn:

Nhip tim chậm bất thường, tim đập nhanh hoặc mạnh, phát ban, chức năng của tim trở nên tệ hơn trong một vài người đã có vấn đề về tim từ trước, tăng vấn đề về gan (hiếm xảy ra hư gan).

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Tuy nhiên người ta tin rằng một vài dị tật bẩm sinh có thể có liên quan tới thuốc này. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Verapamil (Calan, Isoptin, Verelan)(tiếp theo)

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận việc dùng thuốc này trong việc điều trị huyết áp và một vài bệnh về tim trong người dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

V. CÁC THUỐC KÍCH THÍCH / CÁC RỐI LOẠN VỀ SỰ THIẾU CHÚ Ý / HOẠT ĐỘNG QUÁ MỨC

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiêu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các loại thuốc kích thích tâm thần (Psychostimulant Medications)

Dextroamphetamine (còn được gọi là Adderall, Dexedrine)

Methylphenidate (còn được gọi là Concerta, Metadate, Ritalin)

Pemoline (còn được gọi là Cylert)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Các thuốc này được dùng để điều trị nhiều chứng bệnh khác nhau. Thông thường nhất thuốc được dùng để điều trị chứng rối loạn thiếu sót sự chú ý/hoạt động quá mức [attention-deficit/hyperactivity (ADHD)] cho trẻ em lẫn người lớn. Nhìn chung, người ta tin rằng Dextroamphetamine và Methylphenidate là hữu hiệu hơn Pemoline cho loại rối loạn tâm thần này. Các thuốc này có khi được dùng để chữa chứng trầm cảm cho bệnh nhân cao niên đau ốm hay những người bị những chứng bệnh nghiêm trọng (ví dụ như AIDS). Dextroamphetamine và Methylphenidate có thể được dùng để chữa một chứng rối loạn về giấc ngủ gọi là narcolepsy*.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này. Nếu quý vị có quá trình lạm dụng thuốc hay nghiền thuốc, xin vui lòng báo cho bác sĩ của mình.

Tương đối thông thường:

Khó ngủ, mất ý thích ăn uống, dễ bức tức, xuống cân, đau dạ dày, đau đầu, hồi hộp, bồn chồn, chóng mặt.

Ít thông thường hơn:

Tim đập nhanh hoặc mạnh, tăng huyết áp, thay đổi trạng thái (buồn, trầm cảm), có những cử động cơ bắp bất thường được gọi là tics, thay đổi trong mức độ lớn trong một số trẻ em (xem phần chỉ dẫn đặc biệt dưới đây).

Bất thường:

Tim đập không đều, loạn tinh thần.

Các loại thuốc kích thích tâm thần (tiếp theo)

Pemoline:

Nguy cơ mắc bệnh về gan với pemoline là lớn hơn so với các thuốc khác trong nhóm này. Quý vị cần phải thử máu thường kỳ để tìm xem có vấn đề về gan trong lúc dùng thuốc này. Bác sĩ của quý vị sẽ thảo luận với quý vị về các nguy cơ và lợi ích của thuốc này, và sẽ yêu cầu quý vị hay người giám hộ ký mẫu đơn đặc biệt cho phép dùng thuốc này.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Một vài thay đổi trong mức độ lớn có thể xảy ra cho một vài người được điều trị với các thuốc này.

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng *methylphenidate* và *pemoline* với trẻ em dưới 6 tuổi, và *dextroamphetamine* với trẻ em dưới 3 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các loại thuốc kích thích tâm thần (tiếp theo)

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Cố gắng đừng dùng thuốc này trễ trong ngày. Điều này có thể gây khó ngủ hơn. Bác sĩ của quý vị có thể cần phải điều chỉnh thời gian và liều lượng của các thuốc này nhằm giúp quý vị nhận được tác dụng tốt nhất và ít phản ứng phụ nhất.

Quý vị có thể bị dị ứng với các nhân tố làm màu, tartrazine, dùng trong một vài công thức của *dextroamphetamine*.

Bảng chú giải thuật ngữ

*Narcolepsy: Chứng rối loạn mà bệnh nhân bị tấn công bởi các giấc ngủ liên tục xảy ra và không cưỡng được trong những giờ thức giấc bình thường.

Pemoline-Cylert

THÔNG TIN VỀ BỆNH NHÂN/ĐƠN ƯNG THUẬN DÙNG THUỐC CYLERT (PEMOLINE)

Bệnh nhân không được dùng Cylert⁷ (pemoline) cho đến khi những nguy cơ và lợi ích của liệu pháp chữa trị Cylert đã được bàn thảo đầy đủ và mẫu đơn ưng thuận với thông tin đã được giải thích đã được thu nhận.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG:

Liệu pháp chữa trị Cylert đã được tìm thấy có liên hệ với các bất thường về gan kể từ sự tăng thêm của các cuộc kiểm tra đảo ngược được của chức năng gan mà không gây nên triệu chứng gì, cho đến hư gan mà có thể gây ra tử vong. Vì vậy, quý vị cần phải thảo luận đầy đủ về các sự nguy cơ và lợi ích của Cylert trước khi bắt đầu liệu pháp chữa trị.

SỰ ƯNG THUẬN CỦA BỆNH NHÂN:

(Con trai, con gái, người giám hộ) của tôi _____ sự điều trị với Cylert đã được giải thích cho tôi bởi Bác sĩ _____.

Các điểm thông tin sau, trong số những điểm khác, đã được đặc biệt bàn thảo và giải thích và tôi đã có cơ hội để nêu những thắc mắc có liên quan tới thông tin này.

- Tôi, _____ [Tên của bệnh nhân/cha(mẹ)/người giám hộ], hiểu rằng Cylert được dùng để chữa trị một số loại bệnh nhân có hội chứng gọi là thiếu sót sự chú ý/hoạt động quá mức [attention-deficit hyperactivity (ADHD)] và tôi (con trai/con gái/người được giám hộ của tôi) là thuộc diện bệnh nhân này.

Tên họ viết tắt: _____

- Tôi hiểu rằng tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi) có thể có nguy cơ bị hư gan, mà có thể gây ra tử vong, trong lúc dùng Cylert. Tôi hiểu rằng điều này có thể xảy ra ngay cả sau khi liệu pháp chữa trị dài hạn.

Tên họ viết tắt: _____

- Tôi hiểu rằng tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi) cần phải lấy máu để kiểm tra chức năng của gan trước khi bắt đầu Cylert, và cứ 2 tuần một lần từ đó trở đi trong lúc dùng Cylert. Tôi hiểu rằng mặc dù những kiểm tra về gan có thể giúp khám phá nếu tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi) bắt đầu bị hư gan (liver damage), điều này chỉ có thể xảy ra như vậy sau khi hư hại nghiêm trọng không thể chữa lành và có thể nguy hại đến tính mạng đã phát hiện rồi.

Tên họ viết tắt: _____

- Tôi hiểu rằng nếu tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi) ngưng dùng Cylert và bắt đầu trở lại sau đó (ví dụ sau khi nghỉ hè), tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi) phải thử máu trở lại để kiểm tra chức năng của gan trước khi Cylert được bắt đầu trở lại, và 2 tuần một lần từ đó trở đi trong lúc dùng Cylert.

Tên họ viết tắt: _____

5. Tôi hiểu rằng tôi phải báo ngay cho bác sĩ các triệu chứng bất thường và nhất là phải cảnh giác với triệu chứng mửa liên tục, mệt mỏi, giấc ngủ hôn mê, không thèm ăn, đau bụng dưới, nước tiểu sậm màu, hay da vàng, mắt vàng.

Tên họ viết tắt: _____

Nay tôi cho phép Bác sĩ _____ bắt đầu điều trị với Cylert cho tôi (con trai/con gái/ người được giám hộ của tôi), hay nếu sự điều trị với Cylert đã được bắt đầu, tiếp tục với sự điều trị này.

Ký ngày tháng năm

Địa chỉ

Thành phố/Tiểu bang/Zip

(____)

Số Phone #

XÁC NHẬN CỦA BÁC SĨ:

Tôi đã giải thích đầy đủ cho bệnh nhân (cha (mẹ)/người giám hộ), _____ về bản chất và mục đích của sự điều trị với Cylert và những nguy cơ có thể xảy ra có liên quan tới sự điều trị này. Tôi đã hỏi nếu ông/bà ấy có thắc mắc gì về sự điều trị này hay về những nguy cơ có thể xảy ra và đã giải đáp những thắc mắc này theo hết khả năng của tôi.

Bác sĩ ký/ngày tháng năm

LƯU Ý CHO BÁC SĨ:

Bác sĩ cần phải lưu lại một bản sao đầy đủ của mẫu đơn ưng thuận với thông tin đã được giải thích trong hồ sơ bệnh nhân của bác sĩ.

NGUỒN CUNG CẤP MẪU ĐƠN THÔNG TIN VỀ BỆNH NHÂN /ĐƠN ƯNG THUẬN:

Nguồn cung cấp mẫu đơn Thông tin về bệnh nhân/đơn ưng thuận được in như trên là có sẵn, miễn phí, bằng cách gọi (847) 937-7302. Abbott Laboratories chấp thuận cho sao chụp lại mẫu đơn trên để sử dụng.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Atomoxetine (còn được gọi là Strattera)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này thường được dùng để điều trị chứng rối loạn thiếu sót sự chú ý/hoạt động quá mức [attention-deficit/hyperactivity (ADHD)] cho trẻ em lẫn người lớn.

Atomoxetine đã được chứng minh là hữu hiệu như các thuốc khác dùng để điều trị ADHD, nhưng không như những loại thuốc khác, thuốc này không phải là thuốc kích thích. Thuốc cũng đang được nghiên cứu để dùng trong việc điều trị chứng trầm cảm.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Dau dạ dày, đau đầu, nôn mửa, giảm ý thích ăn uống, ho, buồn mửa, dễ bức tức, chóng mặt, buồn ngủ.

Ít thông thường hơn:

Khó khăn trong tình dục (sexual difficulties^{*}), tăng huyết áp, nhịp tim tăng, khó tiểu (urinary retention^{*}), choáng váng, xuống cân, táo bón, khô miệng.

Đi ứng:

Một hoặc vài tập hợp của các triệu chứng sau, ngứa ngáy hoặc phát ban, sưng trên mặt hoặc trên tay, sưng hay ngứa trong miệng hay cổ họng, nặng ngực hay khó thở. Cần phải đi bệnh viện hoặc gặp bác sĩ nếu thấy bất cứ những dấu hiệu hoặc triệu chứng này.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Atomoxetine (còn được gọi là Strattera) (tiếp theo)

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này cho trẻ em dưới 6 tuổi. Một vài biến chuyển về mức độ tăng trưởng cũng có thể xảy ra với một số người được điều trị với thuốc này.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Sexual Difficulties: Mất hứng thú trong tình dục hay khả năng làm tình.

*Urinary Retention: Khó khăn trong việc tiểu tiện.

**VI. CÁC LOẠI THUỐC TÁC ĐỘNG TÂM THẦN
HAY
CÁC LOẠI THUỐC PHỤ THUỘC**

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Amantadine (còn được gọi là Symmetrel)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này được dùng cho một số mục đích khác nhau, bao gồm cả chữa trị một vài phản ứng phụ mà bệnh nhân gặp phải do dùng các thuốc trị rối loạn tâm thần khác. Các phản ứng phụ mà thuốc này có thể kiềm chế gồm có cơ bắp run (tremors^{*}), bắp thịt trở nên cứng nói chậm không lên xuống giọng, không có diễn tả trên nét mặt, vị thế của đầu và cổ hay vuon dai, hoặc hàm, khó nuốt, khó khăn trong vận chuyển của mắt, và bồn chồn.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, đau đầu, choáng váng, buồn mửa, khó ngủ, hồi hộp, lo âu, khó khăn trong tập trung tư tưởng.

Ít thông thường hơn:

Áp suất máu thấp (nhất là trong giai đoạn đầu của điều trị, lúc đột ngột đứng lên từ tư thế ngồi hoặc nằm), da màu tím bầm nhất là trên hai chân, sưng mắt cá, ăn mất ngon (có thể bị xuống cân), táo bón, khô miệng.

Hiếm xảy ra:

Rối loạn tinh thần, yếu người, nói không rõ.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải

Amantadine (còn được gọi là Symmetrel) (tiếp theo)

tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận cho dùng thuốc này với trẻ em 1 tuổi trở lên để ngăn ngừa và chữa trị bệnh influenza A, một loại bệnh cúm. Đây là một trong những công dụng của *amantadine*. Công dụng trong việc điều trị các phản ứng phụ từ các thuốc trị bệnh tâm thần khác, FDA chỉ chấp thuận cho dùng với người lớn.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: run rẩy.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các loại thuốc Anticholinergic

Benztropine (còn được gọi là **Cogentin**)

Trihexyphenidyl (còn được gọi là **Artane**)

Dược phẩm đặc trưng (liệt kê): _____

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này là một trong số các loại thuốc khác nhau được dùng để ức chế một vài phản ứng phụ mà bệnh nhân gặp phải do dùng các thuốc trị rối loạn tâm thần khác. Các phản ứng phụ mà thuốc này có thể kiểm chế gồm có bồn chồn, cơ bắp run (tremors^{*}), bắp thịt trở nên cứng, nói chậm không lên xuống giọng, không có diễn tả trên nét mặt, quá mức trong vị thế của đầu, cổ, hoặc hàm, khó nuốt, khó khăn trong chuyển động của mắt.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Khô miệng, mờ mắt, táo bón, tiểu tiện khó.

Ít thông thường hơn:

Buồn ngủ (drowsiness^{*}), lúng túng không phân biệt được, giảm trí nhớ, chóng mặt, nhịp tim nhanh bất thường, phát ban.

Hiếm xảy ra:

Bệnh cao nhãn áp trở nên nặng hơn (glaucoma^{*}) (nếu xảy ra, quý vị sẽ bị đau nhiều trong mắt, và quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các loại thuốc Anticholinergic (tiếp theo)

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận cho dùng *Benztropine* (Cogentin) với trẻ em 3 tuổi trở lên. Tuy nhiên cần thận trọng khi dùng thuốc với nhóm tuổi này. *Trihexyphenidyl* (Artene) không có sự chấp thuận của FDA về liều lượng cho một số tuổi nhất định nào, do vậy cần được xem như không được chấp thuận cho dùng đối với trẻ em.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy.

*Drowsiness: Buồn ngủ

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất làm thay đổi áp suất của mắt.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Beta Blockers

atenolol (Tenormin) metoprolol (Lopressor)

nadolol (Corgard) propranolol (Inderal)

Dược Phẩm Đặc Trưng: _____

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này có nhiều công dụng khác nhau. Thông thường *Beta blockers* được dùng để điều trị một số vấn đề về tim và hệ tuần hoàn như huyết áp cao và bệnh đau ngực (angina – đau trong ngực gây ra bởi các chứng bệnh về tim), bệnh đau nhức nửa đầu (migraine headaches^{*}), và tim đập không bình thường. Thuốc đã được FDA công nhận là an toàn và hữu hiệu cho những mục đích này và một số các mục đích khác. *Beta blockers* còn được dùng để điều trị các triệu chứng khác mà chưa có sự chấp thuận của FDA, các phản ứng phụ của lithium như sự lo âu, dễ nóng giận, và run rẩy (tremors^{*}). Đây cũng là một trong số các loại thuốc khác nhau được dùng để ức chế một vài phản ứng phụ mà bệnh nhân gặp phải do dùng các thuốc trị rối loạn tâm thần khác. Phản ứng phụ riêng biệt mà thuốc này có thể kiểm chế là sự bồn chồn.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Chóng mặt, choáng váng, huyết áp thấp, mệt mỏi, nhịp tim chậm

Ít thông thường hơn:

Lúng túng không phân biệt được, chân tay lạnh, sưng mắt cá hay chân, bất lực (impotence^{*}), trầm cảm, khó ngủ, có ác mộng, buồn mửa, tiêu chảy, khó thở hoặc ho ban đêm, tim đập không đều.

Các nguy cơ đặc biệt cho một số người (xin vui lòng báo cho nhân viên y tế nếu có bất cứ một trong các triệu chứng này):

Những người bị bệnh tiểu đường có thể có khó khăn về kiểm soát lượng đường trong máu, và nhận ra khi họ thiếu chất đường trong máu.

Những người bị bệnh suyễn có thể sẽ thấy khó thở hơn.

Beta Blockers (tiếp theo)

Những người bị bệnh đau ngực (angina – đau trong ngực do bệnh tim) không nên ngưng dùng thuốc này một cách đột ngột, do thuốc có thể làm bệnh nặng hơn.

Hiếm xảy ra: *Di ứng*

Một hoặc vài tập hợp của các triệu chứng sau, ngứa ngáy hoặc phát ban, sưng trên mặt hoặc trên tay, sưng hay ngứa trong miệng hay cổ họng, nặng ngực hay khó thở. Cần phải đi bệnh viện hoặc gặp bác sĩ nếu thấy bất cứ những dấu hiệu hoặc triệu chứng này.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, thuốc có thể làm hại đến thai nhi, tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nên bàn với bác sĩ về việc cho bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này, vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ (drowsiness^{*}), và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc được sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng *oral propranolol* với trẻ em 18 tuổi trở xuống. Tuy nhiên tài liệu đã được FDA chấp thuận cho là đã có đủ các sự nghiên cứu để có thể ước đoán một cách khá xác thực về sự an toàn và tính hữu hiệu cho sự điều trị về bệnh tim và hệ thống tuần hoàn ở trẻ em. FDA vẫn chưa chấp thuận các loại thuốc Beta-blocker khác cho dùng ở trẻ em dưới 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Beta Blockers (tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Migraine Headache: Nhức đầu, gây đau từ nhẹ đến nặng, thông thường một bên đầu, trở nên đau hơn do hoạt động mạnh, ánh sáng, âm thanh hay mùi vị, và thỉnh thoảng có thể kèm theo nôn mửa.

*Tremors: Run rẩy

*Impotence: Còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng cương lên và giữ sự cương cứng.

*Drowsiness: Buồn ngủ

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Clonidine: (còn được gọi là Catapres)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này được dùng cho một số mục đích khác nhau. Thông thường *Clonidine* được dùng để chữa huyết áp cao. Thuốc đã được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) công nhận là an toàn và hữu hiệu cho mục đích này. *Clonidine* còn được dùng để điều trị các triệu chứng khác mà chưa có sự chấp thuận của FDA, như triệu chứng cai các chất chứa thuốc phiện (opiates), và các chất khác, điều trị của hội chứng Tourette's syndrome^{*}, hội chứng thiếu sự tập trung và hoạt động quá mức (ADHD), bệnh đau nhức nửa đầu (migraine headaches^{*}), và trong sự điều trị của nhiều chứng bệnh tâm lý khác.

Thuốc này được chế dưới cả 2 dạng thuốc viên, và thuốc dán trên da.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Khô miệng, buồn ngủ (drowsiness^{*}) và trạng thái trầm lặng, táo bón, chóng mặt (với thuốc dán, vùng da được dán thuốc có thể thấy khó chịu).

Ít thông thường hơn:

Huyết áp thấp (nhất là khi đứng lên nhanh quá), đau đầu, mệt mỏi, yếu người, hồi hộp, dễ nóng giận, trầm cảm, phát ban, buồn mửa, giảm ý thích và khả năng tình dục.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, quý vị và bác sĩ nên thảo luận về những lựa chọn mà quý vị có trước khi có thai. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Nếu quý vị dùng *Clonidine* trong lúc nuôi con, thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị. Cần phải thận trọng khi cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này và chỉ sau khi đã bàn với bác sĩ của quý vị.

Clonidine: (còn được gọi là Catapres) (tiếp theo)

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tinh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn và huyết áp có thể tăng đột ngột (sự tái phát của áp suất cao – rebound hypertension). **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) vẫn chưa chấp thuận cho dùng thuốc này để trị bệnh cao huyết áp với những người dưới 12 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tourette's Syndrome: Chứng rối loạn di truyền mà bệnh nhân hay bị tics (tật) ở cơ bắp, hoặc khi nói, chúng thường là những chuyển động hoặc tiếng nói ngắn, nhanh, và không có mục đích.

*Migraine Headache: Nhức đầu, gây đau từ nhẹ đến nặng, thông thường một bên đầu, trở nên đau hơn do hoạt động mạnh, ánh sáng, âm thanh hay mùi vị, và thỉnh thoảng có thể kèm theo nôn mửa.

*Drowsiness: Buồn ngủ

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Diphenhydramine: (còn được gọi là Benadryl)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Đây là một trong nhóm các loại thuốc được gọi là *antihistamines*. Thuốc được dùng cho một số mục đích khác nhau. Đây là một trong nhiều loại thuốc khác nhau dùng để ức chế một vài phản ứng phụ mà bệnh nhân gặp phải từ các thuốc trị tâm thần khác. Những phản ứng phụ mà thuốc này có thể chữa gồm có sự bồn chồn, run cơ bắp (tremors^{*}), bắp thịt trở nên cứng, nói chậm không lên xuống giọng, không có diễn tả trên nét mặt, quá mức trong vị thế của đầu, cổ, hoặc hàm, khó nuốt, khó khăn trong chuyển động của mắt.

Một công dụng thông thường khác là dùng để chữa những bệnh dị ứng khác như sốt cỏ khô (hay fever), hoặc chứng phát ban. Thuốc cũng còn được dùng như một sự điều trị ngắn hạn cho bệnh khó ngủ, các bệnh do chuyển động, và để giảm ho, và các triệu chứng thông thường khác của bệnh cảm.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Trạng thái trầm lặng, buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng, mờ mắt, táo bón, khó chịu trong dạ dày.

Ít thông thường hơn:

Tiểu tiện khó, lúng túng không phân biệt được, giảm trí nhớ, tim đập nhanh bất thường, phát ban.

Hiếm xảy ra:

Làm bệnh tăng nhãn áp trở nên tệ hơn (glaucoma^{*}) (nếu xảy ra quý vị sẽ thấy đau mắt trầm trọng, và quý vị cần phải có sự chăm sóc về y tế.)

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ, quý vị và bác sĩ nên thảo luận về những lựa chọn mà quý vị có trước khi có thai. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với

Diphenhydramine: (còn được gọi là Benadryl) (tiếp theo)

bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Tránh cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này vì không những thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị và có thể làm ảnh hưởng đến đứa bé, đồng thời thuốc có thể làm giảm lượng sữa.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, trạng thái trầm lặng (sedation) và chóng mặt (dizziness), khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Bệnh nhân cao niên:

Thuốc này có thể làm khó ngủ thêm và các tác dụng kích thích trái ngược với những tác dụng đối người trẻ tuổi. Khi được cho dùng thuốc này, đàn ông cao tuổi hay có khó khăn về tiểu tiện hơn là đàn ông trẻ tuổi hơn.

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận cho dùng thuốc này để điều trị những phản ứng phụ tâm thần với trẻ em cân nặng 9.08 kg (20 pounds) hoặc hơn. Thuốc đã được chấp thuận cho dùng trong sự điều trị chứng khó ngủ ở trẻ em 12 tuổi trở lên.

Trẻ em có thể bị khó ngủ hơn và các tác dụng kích thích trái ngược với những tác dụng ở người trưởng thành.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Diphenhydramine: (còn được gọi là Benadryl) (tiếp theo)

Bảng chú giải thuật ngữ

*Tremors: Run rẩy

*Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất làm thay đổi áp suất của mắt.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiêu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khước Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Disulfiram: (còn được gọi là Antabuse)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này được dùng để giúp những người ghiền hoặc bị phụ thuộc vào rượu. Thuốc giúp tránh rượu bằng cách gây ra phản ứng rất khó chịu nếu quý vị uống chỉ một lượng rượu rất ít.

Có lẽ điều trị với thuốc này là hữu hiệu nhất khi thuốc là một phần của một kế hoạch toàn diện bao gồm một số hình thức khuyên vấn để trị ghiền rượu.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này. Những phản ứng phụ được đánh dấu hoa thị (*) dưới đây, thường tan lẩn sau một vài tuần điều trị với disulfiram. Những phản ứng phụ được đánh 2 dấu hoa thị (**) được định nghĩa trong phần chú giải thuật ngữ (Glossary) ở cuối trang tài liệu này.

Tương đối thông thường:

Buồn ngủ (drowsiness **), mệt mỏi*, phát ban.

Ít thông thường hơn:

Dau đầu (headache *), bất lực (impotence **), mụn*, có cảm giác mùi kim loại hay tỏi sau khi ăn*, mất cảm giác và/hay cơ bắp tay hay chân yếu, mà thường sẽ đỡ hơn sau khi ngưng disulfiram.

Hiếm xảy ra:

Bệnh rối loạn tinh thần có thể trở nên tệ hơn, những phản ứng của chứng rối loạn tinh thần, những bệnh về gan, và mắt mà được gọi là viêm thần kinh thị giác (optic neuritis) thông thường sẽ đỡ hơn sau khi ngưng disulfiram.

Nguy cơ nếu uống rượu trong lúc dùng thuốc này:

Không như những phản ứng kể trên, những phản ứng kê ra ở đây rất có thể xảy ra cho quý vị nếu quý vị uống rượu trong lúc dùng thuốc này. Những triệu chứng này, có thể nặng hoặc nhẹ hơn, gồm có: đỏ mặt, đau nhói trong đầu và cổ, đau đầu, hụt hơi, thở nhanh, buồn mửa, đỏ mồ hôi, khát nước, đau trong ngực, tim đập mạnh, nhanh, huyết áp thấp gây ra chóng mặt và ngất xỉu, hồi hộp, yếu người, mờ mắt, và lúng túng

Disulfiram: (còn được gọi là Antabuse) (tiếp theo)

không phân biệt được. Thông thường nhất những phản ứng này kéo dài từ 30 phút cho tới một vài giờ, sau đó là giấc ngủ và hoàn toàn hồi phục. Tuy nhiên, phản ứng như thế có khả năng dẫn tới những vấn đề nghiêm trọng hơn như nhịp thở cực thấp, máu tuẫn hoán không đủ hiệu quả trở nên phức tạp hơn bởi nhịp tim đập không đều, lên cơn đau tim, hay suy tim (heart failure), ngất xỉu, lên kinh phong (seizures^{*}), và ngay cả tử vong.

QUAN TRỌNG NHẤT LÀ QUÝ VỊ KHÔNG NÊN UỐNG RƯỢU!!

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết, nhưng người ta đã có nhiều báo cáo về những trường hợp sinh đẻ không bình thường mà có liên quan tới *disulfiram*. Do có khả năng thuốc có thể có hại cho thai nhi, tránh có thai là một điều quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết về những lựa chọn mà quý vị có. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Tránh cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như buồn ngủ (drowsiness^{*}), và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Tốt nhất cần phải tránh dùng ma túy hoặc rượu với thuốc vì nó có thể làm phản ứng phụ này hoặc các phản ứng phụ khác trở nên tệ hơn.

Quý vị không được bắt đầu dùng thuốc này cho đến khi đã tỉnh táo ít nhất là 12 giờ đồng hồ.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên bàn trước với bác sĩ.

Ngưng dùng thuốc **SẼ KHÔNG** giúp quý vị chấm dứt ngay các phản ứng xấu kể trên. Quý vị sẽ tiếp tục có nguy cơ bị những phản ứng này trong chừng 2 tuần sau khi ngưng *Disulfiram*. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận cho dùng thuốc này với người nhỏ hơn 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Disulfiram: (còn được gọi là Antabuse) (tiếp theo)

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Quý vị phải tránh tất cả các thứ có rượu trong lúc dùng thuốc này. Điều này bao gồm rượu có trong một vài loại thuốc, như thuốc ho, thuốc cảm lạnh và quý vị mua ở tiệm thuốc tây hay tiệm bán thực phẩm mà không cần toa. Cần phải chắc chắn kiểm tra các thành phần trong bất cứ sản phẩm nào quý vị dùng. Một vài người thậm chí có thể phản ứng với sản phẩm dùng trên da, như chất nước (kem) thoa sau khi cạo râu (aftershave lotion), tuy nhiên điều này ít xảy ra.

Bảng chú giải thuật ngữ

*Drowsiness: Chứng buồn ngủ

*Impotence: Còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng căng lên và giữ sự cương cứng.

*Seizures: Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đái, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Naltrexone (còn được gọi là ReVia, và trước đây còn được gọi là Trexan)

Mục đích và lợi ích của những dược phẩm này:

Thuốc này được dùng để giúp những người bị phụ thuộc vào rượu hay những người ghiền các loại thuốc gây tê mê (narcotic). Thuốc giúp những người này tránh dùng những chất này trong tương lai. Điều trị với thuốc này là hữu hiệu nhất khi thuốc là một phần của một kế hoạch toàn diện bao gồm một số hình thức khuyên vấn để trị ghiền rượu hoặc chất gây tê mê.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

Buồn mửa, chóng mặt, khó ngủ, lo âu, hồi hộp, đau hoặc co rút trong dạ dày, năng lực thấp, đau xương và cơ bắp, đau đầu, ăn mất ngon và xuống cân.

Ít thông thường hơn:

Đau gan (dấu hiệu của bệnh này gồm có đau bao tử nhiều ngày hoặc hơn, đi đại tiện có màu trắng, nước tiểu sẫm màu, vàng mắt hoặc da).

Thuốc này không như disulfiram (Antabuse). Thuốc này không gây phản ứng dữ dội như disulfiram khi dùng với rượu.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Các tác dụng của thuốc này đối với thai nghén còn chưa hoàn toàn được biết. Do có nguy cơ mà thuốc có thể làm hại đến bào thai, nên tránh có thai là quan trọng. Bác sĩ có thể cho quý vị biết những điều quý vị có thể lựa chọn. Nếu quý vị muốn có thai hoặc tin rằng mình đã có thai, quý vị cần phải bàn với bác sĩ về các sự chọn lựa của mình. Cần phải thảo luận trước với bác sĩ về việc cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này.

Các nguy cơ khác:

Vài phản ứng phụ, như trạng thái trầm lặng và chóng mặt, khiến việc lái xe hoặc làm những việc đòi hỏi quý vị phải được tỉnh táo trở nên nguy hiểm. Thuốc này không vô hiệu hóa những tác dụng nguy hại của rượu đối với khả năng của quý vị để

Naltrexone (còn được gọi là ReVia, và trước đây còn được gọi là Trexan) (tiếp theo)

làm những hoạt động này. Dùng thuốc này với các loại thuốc gây mê (narcotics) có thể khiến thuốc gây mê gây ra những vấn đề nghiêm trọng về hô hấp trước khi thuốc gây mê tạo ra tác dụng mong muốn. Quý vị nên mang theo những giấy tờ mà có thể giúp nhân viên cấp cứu biết rằng quý vị đang dùng thuốc này. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để được chỉ dẫn.**

Các phương pháp khác để trị bệnh của quý vị:

Các dược phẩm và các phương pháp không dùng thuốc men có thể có sẵn để trị bệnh cho quý vị. Quý vị có thể yêu cầu bác sĩ cung cấp thêm thông tin về các dược phẩm hoặc cách trị bệnh khác và những hữu ích và nguy cơ của chúng.

Sự tham gia của quý vị trong một chương trình trị bệnh toàn diện là một điều quan trọng để khỏi nghiện ma túy và rượu.

Trẻ em và thiếu niên:

Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) chưa chấp thuận cho dùng thuốc này với người nhỏ hơn 18 tuổi.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng dược thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bộ Sức Khỏe Tâm Thần Của Tiểu Bang Massachusetts Tài Liệu Về Dược Phẩm (2004)

Tài liệu sau đây nhằm mục đích bổ sung thêm, chứ không thay thế cho khả năng chuyên môn và sự phán đoán của bác sĩ, dược sĩ, hoặc các chuyên viên y tế khác của quý vị. Tài liệu này không thể được cho rằng

dùng thuốc này là an toàn, đúng đắn, hoặc hữu hiệu cho quý vị.

Xin tham khảo chuyên viên y tế của quý vị trước khi sử dụng thuốc này.

Xử dụng Cẩm Nang Thông Tin Về Dược Phẩm là tùy thuộc vào

Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm ở phần đầu của cẩm nang này.

Xin vui lòng đọc kỹ Lời Tuyên Bố Sự Khuất Từ Mọi Trách Nhiệm trước khi dùng sách.

Các chất hormone tuyến giáp (Thyroid hormones) (còn được gọi là Levoxyl, Synthroid, levothyroxine, T₄, Cytomel, liothyronine, T₃, Thyrolar, liotrix, T₃/T₄)

Mục đích và lợi ích của dược phẩm này:

Những dược phẩm này thường được dùng nhất trong việc điều trị những người bị thiếu chất hormone trong tuyến giáp. Chứng bệnh này được gọi là hypothyroidism. Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) đã chấp thuận dùng thuốc này cho chứng bệnh này. Một vài bác sĩ đã dùng thuốc này để chữa những căn bệnh khác mà chưa có sự chấp thuận của FDA. Một trong những bệnh này là chứng trầm cảm và một vài loại rối loạn tâm thần lưỡng cực nhất định.

Các nguy cơ của thuốc này:

Sau đây là một vài phản ứng phụ có thể xảy ra trong lúc dùng thuốc này.

Tương đối thông thường:

(Phản ứng phụ của những thuốc này thường chỉ xảy ra lúc bắt đầu điều trị hay khi liều lượng quá cao. Những phản ứng phụ này có thể có nghĩa là quý vị yêu cầu bác sĩ kiểm tra số lượng thuốc mà quý vị đang dùng).

Hồi hộp, đau đầu, đổ mồ hôi quá nhiều, chịu nóng không được, khó ngủ, ăn mất ngon, tim đập mạnh hoặc nhanh, đối với phụ nữ có thể có thay đổi trong chu kỳ kinh nguyệt.

Ít thông thường hơn:

Nếu quý vị thấy bất kỳ các phản ứng phụ này, quý vị cần phải liên lạc với bác sĩ càng sớm càng tốt hoặc tìm sự chăm sóc khẩn cấp: phát ban hay viêm thanh quản (viêm ruột), đau ngực, hụt hơi.

Khi được dùng với liều lượng mà khiến cho mức tuyến giáp cao hơn mức cơ thể quý vị thường có, sẽ có thể mắc bệnh loãng xương (osteoporosis*), phụ nữ quá tuổi mãn kinh có thể có nhiều nguy cơ bị phản ứng phụ này hơn.

Nguy cơ trong lúc mang thai:

Nếu dùng thuốc này trong thời kỳ thai nghén để điều trị bệnh thiếu hormone tuyến giáp, người ta không thấy có phản ứng phụ nguy hại của thuốc này đối với bào thai. Điều này có thể là vì thuốc không di chuyển từ mẹ sang bào thai.

Các chất hormone tuyến giáp (Thyroid hormones) (tiếp theo)

Tuy nhiên, cần phải thận trọng trong việc cho con bú bằng sữa mẹ trong lúc dùng thuốc này và phải có sự giám sát của bác sĩ vì thuốc sẽ hiện diện trong sữa của quý vị.

Các nguy cơ khác:

Những người bị bệnh tiểu đường [diabetes mellitus (“sugar diabetes”)], hoặc vài bệnh về tim, hay có huyết áp cao có thể có những nguy cơ khác từ các thuốc này. Nếu quý vị bị một trong những bệnh này, phải cầm chắc rằng bác sĩ biết đến bệnh tình của quý vị. Bị một trong những bệnh này không hề có nghĩa là quý vị không thể dùng các loại thuốc tuyến giáp này, hay rằng quý vị sẽ gặp khó khăn nếu dùng một trong các loại. Bác sĩ của quý vị sẽ có thể giải thích về những nguy cơ, nếu có, có thể xảy ra cho quý vị. Tốt nhất là nên tránh dùng ma túy với thuốc này vì nó có thể làm cho các phản ứng phụ trở nên nghiêm trọng hơn.

Nếu quý vị quyết định ngưng dùng thuốc, tốt nhất là nên nói chuyện trước với bác sĩ. Ngưng dùng thuốc đột ngột có thể gây ra các vấn đề khó khăn, nhất là những người bị bệnh tiểu đường. **Nếu quý vị quên uống một liều thuốc, không được dùng gấp hai liều lượng mà phải chờ lần uống thuốc tới, hoặc liên lạc với bác sĩ, y tá, hoặc dược sĩ của mình để xin sự chỉ dẫn.**

Trẻ em và thiếu niên:

FDA đã chấp thuận cho dùng các thuốc này với người dưới 18 tuổi trong việc điều trị bệnh thiếu hormone tuyến giáp trạng (hypothyroidism) và những bệnh có liên hệ. Cơ quan FDA chưa chấp thuận những thuốc này trong việc điều trị các rối loạn tâm thần ở trẻ em hay người lớn.

Quý vị cần phải cho nhân viên y tế của mình biết về các loại thuốc khác hoặc các thuốc bổ sung bằng được thảo mà quý vị đang dùng vì các thuốc này có thể cản trở hoặc có tác động qua lại với loại thuốc mà quý vị đã được kê toa.

Các tác động qua lại với thuốc có thể xảy ra mà quý vị cần phải đặc biệt quan tâm tới:

Các chỉ dẫn đặc biệt:

Bảng chú giải thuật ngữ

*Osteoporosis: Dần dần giảm độ đậm đặc của xương làm xương yếu đi và dễ gãy.

VII. NHỮNG THAY ĐỔI VÀ/HOẶC CÁC LOẠI DƯỢC PHẨM ĐƯỢC THÊM VÀO SAU NGÀY ẤN HÀNH

Thay Đổi Và/Hoặc Các Thuốc Được Thêm Vào Sau Ngày Ăn Hành (Tháng Tư năm 2004)

Xin vui lòng xem trang nhà của DMH: www.mass.gov/dmh/publications để biết các cập nhật và thay đổi.

VIII. BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ và MỤC LỤC

Bảng chú giải thuật ngữ

Agranulocytosis: Từ y khoa dùng cho “lượng bạch huyết cầu thấp”. Bạch huyết cầu giúp chống nhiễm trùng, cho nên nếu lượng bạch huyết cầu xuống thấp, quý vị có thể giảm khả năng chống lại nhiễm trùng như bệnh viêm phổi.

Akathisia: Căn bệnh có đặc điểm với sự vận động liên tục không kiềm chế được của dây thần kinh vận động.

Akinesia: Sự mất hay hư hỏng của các hoạt động tự nhiên của cơ bắp.

Allergic Reaction: Một hoặc vài tập hợp của các triệu chứng sau, ngứa ngáy hoặc phát ban, sưng trên mặt hoặc trên tay, sưng hay ngứa trong miệng hay cổ họng, nặng ngực hay khó thở. Cần phải đi bệnh viện hoặc gặp bác sĩ nếu thấy bất cứ những dấu hiệu hoặc triệu chứng này.

Anorexia: Ăn mất ngon làm xuống cân nhiều và thiếu dinh dưỡng.

Glaucoma: Tập hợp các sự rối loạn có đặc điểm làm hư hại nghiêm trọng đến mắt, ít nhất là thay đổi áp suất của mắt.

Drowsiness: Buồn ngủ.

Dystonia: Trạng thái mà sự cương cứng của mô bị rối loạn (như bắp thịt). Sự co rút rất đau đớn của cơ bắp.

Hyperthermia: Sốt rất cao.

Impotence: Còn được gọi là chứng rối loạn về cương cứng (erectile dysfunction), là sự mất khả năng căng lên và giữ sự cương cứng.

Migraine

Headaches:: Nhức đầu, gây đau từ nhẹ đến nặng, thông thường một bên đầu, trở nên đau hơn do hoạt động mạnh, ánh sáng, âm thanh hay mùi vị, và thỉnh thoảng có thể kèm theo nôn mửa.

Narcolepsy: Chứng rối loạn mà bệnh nhân bị tấn công bởi các giấc ngủ liên tục xảy ra và không cưỡng được trong những giờ thức giấc bình thường.

Neuroleptic**Malignant****Syndrome:**

Đây là một nhóm của các sự việc mà có thể xảy ra cùng một lúc khi dùng thuốc trị rối loạn tâm thần. Những điều này bao gồm nhiệt độ cao, cơ bắp co cứng, chóng mặt, và ngất xỉu. Điều này không thường xảy ra, nhưng nếu xảy ra có thể nguy hại đến tính mạng.

Osteoporosis:

Dần dần giảm độ đậm đặc của xương làm xương yếu đi và dễ gãy.

Pancreatitis:

Thình lình xảy ra hay viêm lâu ngày của tuyến tụy mà có thể nhẹ hay nguy hại đến tính mạng.

Seizures:

Diễn tả các trạng thái và ứng xử khác nhau xảy ra khi não bộ bị kích thích bởi một tác nhân nào đó, bao gồm sự co giật của bắp thịt trên toàn cơ thể, ngất đi trong một khoảng thời gian ngắn, mất sự kiểm soát của bắp thịt, mất sự kiểm soát của bụng đáy, và tình trạng tinh thần hỗn loạn.

Sexual Difficulties: Mất hứng thú trong tình dục hay khả năng làm tình.**Tardive****Dyskinesia:**

Những cử động không kiềm chế được của cơ bắp.

Tourette's**Syndrome:**

Chứng rối loạn di truyền mà bệnh nhân hay bị tics (tật) ở cơ bắp, hoặc khi nói, chúng thường là những chuyển động hoặc tiếng nói ngắn, nhanh, và không có mục đích.

Tremors:

Run ray.

Urinary Retention: Khó khăn trong việc tiểu tiện.

Mục Lục về Các Tên Thuốc Thường

Mai (Brand names)

| <u>TÊN THUỐC</u> | <u>Số trang</u> | <u>TÊN THUỐC</u> | <u>Số trang</u> |
|------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| Abilify® | 50 | Nardil®..... | 18 |
| Adderall® | 94 | Navane®..... | 43 |
| Ambien®..... | 15 | Neurontin®..... | 74 |
| Anafranil®..... | 24 | Norpramin®..... | 24 |
| Antabuse®..... | 114 | Pamelor®..... | 24 |
| Artane® | 104 | Parnate®..... | 18 |
| Ascendin®..... | 24 | Paxil®..... | 21 |
| Ativan®..... | 10 | Prolixin®..... | 43 |
| Benadryl®..... | 111 | Prolixin Decanoate®..... | 43 |
| Buspar®..... | 13 | Prozac®..... | 21 |
| Calan®..... | 91 | Remeron®..... | 30 |
| Carbatrol®..... | 71 | Risperdal®..... | 64 |
| Catapres®..... | 109 | Risperdal Consta®..... | 64 |
| Celexa®..... | 21 | Ritalin®..... | 94 |
| Clozaril®..... | 53 | Serentil®..... | 47 |
| Cogentin®..... | 104 | Seroquel®..... | 61 |
| Concerta® | 94 | Serzone®..... | 33 |
| Corgard®..... | 106 | Sinequan®..... | 24 |
| Cylert®..... | 94 | Sonata®..... | 15 |
| Depakene®..... | 88 | Stelazine®..... | 43 |
| Depakote®..... | 88 | Strattera®..... | 99 |
| Desyrel®..... | 36 | Surmontil®..... | 24 |
| Dexedrine®..... | 94 | Symmetrel®..... | 102 |
| Effexor®..... | 39 | Synthroid®..... | 119 |
| Elavil®..... | 24 | Tegretol® | 71 |
| Eskalith®..... | 78 | Tenormin®..... | 106 |
| Geodon®..... | 67 | Thorazine®..... | 43 |
| Haldol®..... | 43 | Tofranil®..... | 24 |
| Haldol Decanoate®..... | 43 | Topamax®..... | 86 |
| Inderal®..... | 106 | Tranxene®..... | 10 |
| Klonopin®..... | 10 | Trexan®..... | 117 |
| Lamictal®..... | 76 | Trilafon®..... | 43 |
| Levoxyl®..... | 119 | Trileptal®..... | 84 |
| Lexapro®..... | 21 | Valium®..... | 10 |
| Librium®..... | 10 | Vivactil®..... | 24 |
| Lithobid®,..... | 78 | Wellbutrin®..... | 27 |
| Lithonate®..... | 78 | Xanax®..... | 10 |
| Lithotabs®..... | 78 | Zoloft®..... | 21 |
| Lopressor®..... | 106 | Zyprexa®..... | 57 |
| Loxitane®..... | 43 | Zyprexa Injection®..... | 57 |
| Luvox®..... | 21 | | |
| Mellaril®..... | 47 | | |
| Metadate®..... | 94 | | |
| Moban®..... | 43 | | |

**Mục Lục về Các Tên Thuốc Căn
Bản (Generic brand)**

| TÊN THUỐC | Số trang | TÊN THUỐC | Số trang |
|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| Alprazolam..... | 10 | Nadolol..... | 106 |
| Amantadine..... | 102 | Naltrexone..... | 117 |
| Amitriptyline..... | 24 | Nefazodone..... | 33 |
| Amoxapine..... | 24 | Nortriptyline..... | 24 |
| Aripiprazole..... | 50 | Olanzapine..... | 57 |
| Atenolol..... | 106 | Olanzapine Injection..... | 57 |
| Atomoxetine..... | 99 | Oxcarbazepine..... | 84 |
| Benztropine..... | 104 | Paroxetine..... | 21 |
| Bupropion..... | 27 | Pemoline..... | 94 |
| Buspirone..... | 13 | Perphenazine..... | 43 |
| Carbamazepine..... | 71 | Phenelzine..... | 18 |
| Chlordiazepoxide..... | 10 | Propranolol..... | 106 |
| Chlorpromazine..... | 43 | Protriptyline..... | 24 |
| Citalopram..... | 21 | Quetiapine..... | 61 |
| Clomipramine..... | 24 | Risperidone..... | 64 |
| Clonazepam..... | 10 | Risperidone Injection..... | 64 |
| Clonidine..... | 109 | Sertraline..... | 21 |
| Clorazepate Dipotassium.. | 10 | Thioridazine..... | 47 |
| Clozapine..... | 53 | Thiothixene..... | 43 |
| Desipramine..... | 24 | Thyroid Medications..... | 119 |
| Dextroamphetamine..... | 94 | Topiramate..... | 86 |
| Diazepam..... | 108 | Tranylcypromine..... | 18 |
| Diphenhydramine..... | 114 | Trazodone..... | 36 |
| Disulfiram..... | 114 | Trifluoperazine..... | 43 |
| Doxepin..... | 24 | Trihexphenidyl..... | 104 |
| Escitalopram..... | 21 | Trimipramine..... | 24 |
| Fluoxetine..... | 21 | Valproate..... | 88 |
| Fluphenazine..... | 43 | Valproic Acid..... | 88 |
| Fluvoxamine..... | 21 | Venlafaxine..... | 39 |
| Gabapentin..... | 74 | Verapamil..... | 91 |
| Haloperidol..... | 43 | Zaleplon..... | 15 |
| Imipramine..... | 24 | Ziprasidone..... | 67 |
| Lamotrigine..... | 76 | Zolpidem..... | 15 |
| Lithium..... | 78 | | |
| Lorazepam..... | 10 | | |
| Loxapine..... | 43 | | |
| Mesoridiazine..... | 47 | | |
| Methylphenidate Derivatives..... | 94 | | |
| Metoprolol..... | 106 | | |
| Mirtazapine..... | 30 | | |
| Molindone..... | 43 | | |